GIA LAI ELECTRICITY JOINT STOCK COMPANY
114 Truong Chinh Street, Phu Dong Ward, Pleiku City, Gia Lai Province
Tel: (059) 3823604 Fax: (059) 3826365
www.geccom.vn info@geccom.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI

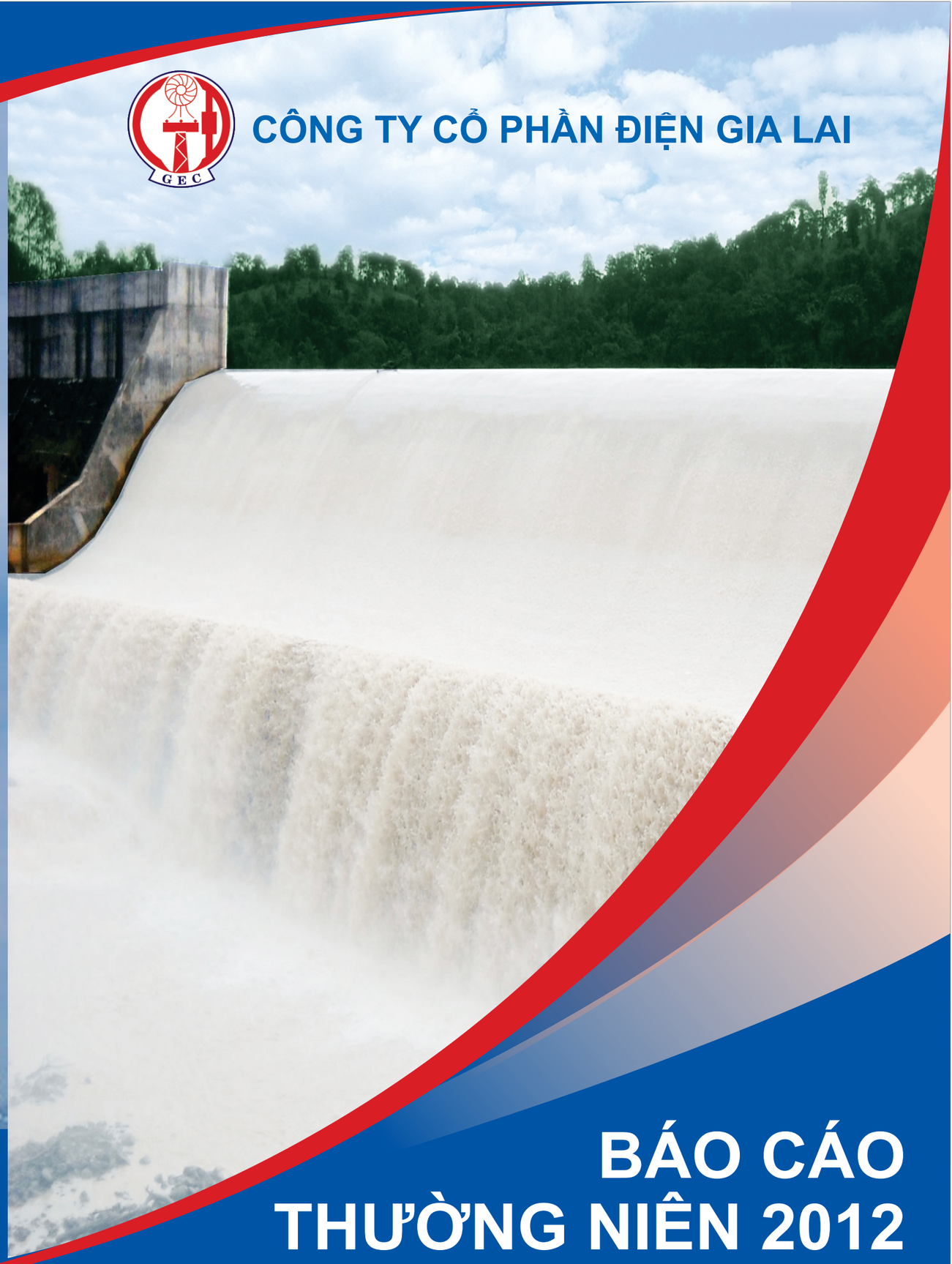

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI

ĐOÀN KẾT - TIN TƯỞNG

UY TÍN - CHẤT LƯỢNG

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

MỤC LỤC

TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI 03

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT 05

XÂY DỰNG NỀN TẢNG 06

- Hành trình 24 năm hình thành & phát triển 08
- Sơ đồ bộ máy tổ chức & lĩnh vực hoạt động 10
- Những sản phẩm, dịch vụ điển hình 12
- Khẳng định vị thế 14
- Giới thiệu về Ban Lãnh đạo Công ty 16

CỦNG CỐ NỘI LỰC - NÂNG TẦM GIÁ TRỊ 21

- Báo cáo của HĐQT 22
- Báo cáo của BKS 24
- Báo cáo của Ban TGĐ 25

QUẢN TRỊ MINH BẠCH - NUÔI DƯỠNG NIỀM TIN 28

VĂN HÓA DOANH NGHIỆP 31

- Hoạt động của các tổ chức đoàn thể 32
- Trách nhiệm xã hội 33
- Bảo vệ môi trường 34

CÔNG TY THÀNH VIÊN - LIÊN DOANH - LIÊN KẾT 37

GẶT HÁI THÀNH CÔNG 38

ELECTRICITY JOINT STOCK COMPANY (GEC)

TẦM NHÌN

Đến năm 2020, GEC trở thành một trong những Tổng Công ty lớn nhất trong lĩnh vực năng lượng sạch tại khu vực miền Trung - Tây Nguyên, trong đó tập trung nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực đầu tư năng lượng tái tạo và các giải pháp tiết kiệm năng lượng.

SỨ MỆNH

1. Sử dụng mọi nguồn lực hiệu quả, tối ưu hóa giá trị gia tăng cho cổ đông, khách hàng và đối tác.
2. Mang lại thịnh vượng và hạnh phúc cho người lao động trong Công ty, phát huy năng lực sáng tạo, khả năng cống hiến của nhân viên trong môi trường làm việc tối ưu.
3. Đóng góp tích cực cho địa phương, cộng đồng, xã hội, phát triển theo định hướng bảo vệ môi trường.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Glory (Chiến thắng): Cán bộ công nhân viên GEC phấn đấu chiến thắng tất cả các mục tiêu của Công ty trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, tập trung sức lực trí tuệ tâm huyết mang lại chiến thắng cho cổ đông, cho khách hàng, cho xã hội và cho chính người lao động.

Effective (Hiệu quả): Mọi hoạt động của từng nhân viên, từng phòng ban và toàn thể Công ty dựa trên tiêu chí hiệu quả làm nền tảng, làm kim chỉ nam cho mọi hành động.

Corporate (Hợp tác): Cá nhân hợp tác với cá nhân, phòng ban hợp tác với phòng ban, Công ty hợp tác với đối tác, hợp tác với khách hàng trên tinh thần đôi bên cùng có lợi và tiêu chí hiệu quả làm nền tảng cho sự hợp tác này.

Ông Thái Văn Chuyện
Chủ tịch Hội đồng quản trị

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Kính thưa Quý cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng và đối tác!

Nhìn lại năm 2012, một năm nhiều biến động với các hệ lụy từ cuộc khủng hoảng đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế vĩ mô và cho các doanh nghiệp. Tuy nhiên đây là những khó khăn được tiên liệu trước nên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Điện Gia Lai đã chuẩn bị đối phó bằng những giải pháp phù hợp, vừa mang tính xuyên suốt vừa linh hoạt theo từng thời điểm. Với nền tảng vững mạnh cùng với khả năng dự đoán, phòng ngừa và ứng phó với rủi ro đã giúp Công ty luôn giữ thế chủ động trước khó khăn.

Tổng kết năm 2012 tổng doanh thu đạt 284.868 triệu đồng đạt 97% kế hoạch, lợi nhuận sau thuế đạt 118.237 triệu đồng đạt 107% kế hoạch, tỷ lệ chi trả cổ tức đạt 100% so với kế hoạch đề ra.

Trong năm 2012 Hội đồng quản trị Công ty cũng đã thực hiện thành công giai đoạn đầu trong công tác tái cấu trúc các hoạt động của Công ty: ban hành sơ đồ tổ chức hoạt động mới phù hợp với yêu cầu phát triển của Công ty, sắp xếp lại hệ thống nhân sự cho Công ty và các Công ty thành viên, Đơn vị trực thuộc, xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản lập quy, chuyên nghiệp hóa và nâng cấp cho các Đơn vị trực thuộc như Xí nghiệp Xây dựng và Xây lắp điện, Xí nghiệp Cơ điện, Trung tâm Tư vấn – Thiết kế và Quản lý dự án trở thành các Công ty độc lập…

Như vậy, sau hơn hai năm kể từ khi cổ phần hóa, đến nay Công ty Cổ phần Điện Gia Lai đã trở thành một Tổng Công ty thực thụ và đang thực hiện đúng vai trò, chức năng của mình: đó là chi phối vốn tại các Công ty thành viên, các Công ty con, hoạch định chiến lược phát triển chung cho Tổng Công ty và các Công ty thành viên; thực hiện điều phối các nguồn lực trong hệ thống, xây dựng và bàn giao kế hoạch cho các Công ty con… Đây là bước tiến mới trong việc hoàn thiện bộ máy quản trị, giúp Ban Lãnh đạo Công ty có thể hoạch định chiến lược ở tầm vĩ mô.

Bước sang năm 2013, đây là năm thứ hai trong quá trình thực hiện mục tiêu đưa Công ty trở thành một trong những Tổng Công ty lớn nhất trong lĩnh vực năng lượng sạch tại khu vực miền Trung – Tây Nguyên vào năm 2020, trước tình hình kinh tế vĩ mô vẫn chưa có nhiều dấu hiệu tích cực, mục tiêu trên càng trở nên thử thách hơn. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị Công ty không bi quan trước những thách thức đang chờ đợi mình phía trước mà luôn chuẩn bị đối diện với quan điểm chủ động, thận trọng và sẵn sàng đón nhận thời cơ. Trong năm 2013 Hội đồng quản trị chủ trương tập trung nghiên cứu và phát triển chuyên sâu trong lĩnh vực đầu tư năng lượng tái tạo; đặt mục tiêu mỗi năm phải khởi công hay hoàn thành từ một đến hai dự án thủy điện trở lên; tiếp tục thực hiện công tác tái cấu trúc lại toàn bộ hoạt động của GEC và các Công ty thành viên; từng bước hoàn thiện bộ máy quản trị đáp ứng kịp các xu thế phát triển của thời đại.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm và ủng hộ của Quý vị cổ đông trong suốt thời gian qua, cảm ơn sự hợp tác tích cực của khách hàng, đối tác lâu năm. Đặc biệt tôi xin dành lời cảm ơn chân thành tới toàn thể CBCNV Công ty, những người đồng cam cộng khổ, cùng chúng tôi xây dựng thương hiệu và vị thế Công ty Cổ phần Điện Gia Lai trong suốt chặng đường vừa qua.

Hội đồng quản trị cam kết sẽ làm tốt hơn nữa trong năm 2013 và những năm tiếp theo để tiếp tục mang lại lợi ích cho cổ đông, khách hàng, người lao động và đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội, cộng đồng.

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Thái Văn Chuyện

XÂY DỰNG NỀN TẢNG

HÀNH TRÌNH 24 NĂM
HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

01/06/1989
Thành lập Công ty thủy điện Gia Lai - Kon Tum

22/12/1992
Đổi tên thành Xí nghiệp thủy điện Ia Đrăng 2

20/04/1994
Đổi tên thành Công ty thủy điện Gia Lai

24/10/1995
Đổi tên thành Công ty điện Gia Lai

15/02/2000
Đón nhận Huân chương Lao động Hạng Ba

01/06/2004
Đón nhận Huân chương Lao động Hạng Hai

21/06/2007
Sáp nhập Công ty mía đường Gia Lai vào Công ty điện Gia Lai

21/12/2009
Đón nhận Huân chương Lao động Hạng Nhất

09/09/2010
Cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty Cổ phần Điện Gia Lai

18/01/2013
Chính thức là thành viên của Tập đoàn Thành Thành Công

SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC

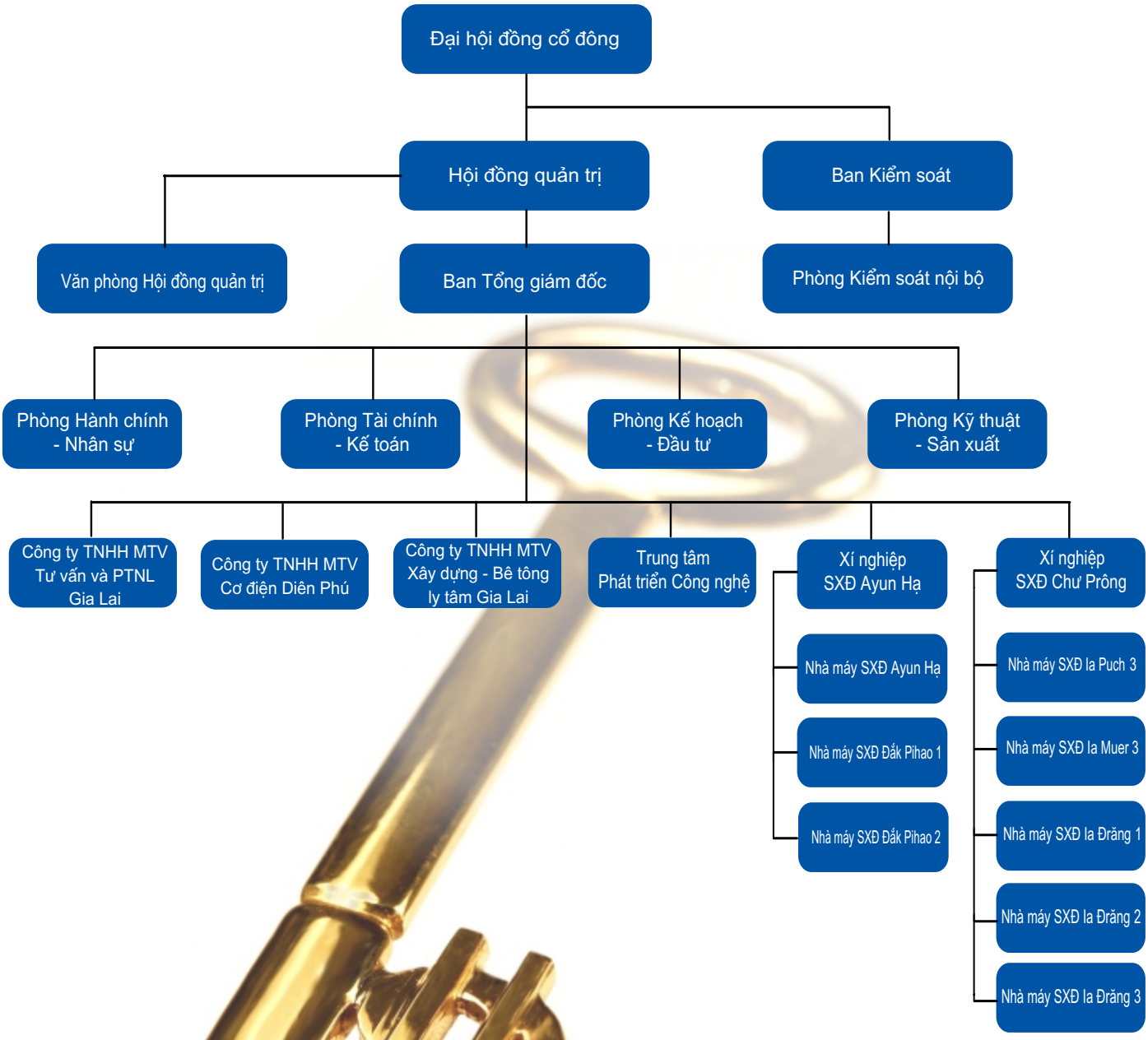

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

1. Năng lượng:

Đầu tư, khai thác, quản lý vận hành các nhà máy thủy điện, nhiệt điện, phân phối và kinh doanh bán lẻ điện năng.

2. Cơ điện - lắp máy:

Lắp đặt thiết bị cơ điện các nhà máy thủy điện, chế tạo, sản xuất, gia công các sản phẩm cơ khí và đường ống áp lực, cầu trục, cổng trục, mạ kẽm nhúng nóng...

3. Xây dựng - xây lắp điện và sản xuất cấu kiện bê tông ly tâm:

Xây dựng các công trình thủy điện, nhiệt điện, thủy lợi, giao thông, xây lắp và quản lý đường dây trạm biến áp đến 110 KV, xây dựng hệ thống điện chiếu sáng công cộng. Sản xuất cột bê tông ly tâm và cấu kiện bê tông.

4. Dịch vụ tư vấn - dịch vụ kỹ thuật:

Tư vấn, thiết kế và giám sát thi công xây dựng các hạng mục công trình thủy điện, nhiệt điện, đường dây và trạm biến áp, tư vấn dịch vụ kỹ thuật và thiết bị điện; quản lý vận hành thuê các nhà máy điện; phát triển công nghệ điện.

5. Đầu tư tài chính:

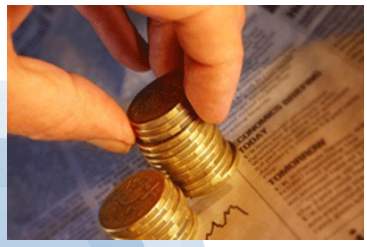

Góp vốn đầu tư dài hạn vào các doanh nghiệp trong lĩnh vực năng lượng và các ngành khác theo chiến lược phát triển của Công ty.

6. Sản xuất đường:

Chuyên sản xuất đường trắng RS chất lượng cao loại I, áp dụng công nghệ tiên tiến: lắng nổi, Blanco Directo, Phốt phát hóa một phần...

NHỮNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ ĐIỂN HÌNH

1. Sản xuất kinh doanh điện.

Công ty trực tiếp quản lý và góp vốn đầu tư xây dựng 12 nhà máy thủy điện đang vận hành với tổng công suất hoạt động trên 64 MW, sản lượng điện thương phẩm năm 2012 đạt 318,3 triệu kWh và doanh thu trên 275 tỷ đồng. Các nhà máy đều phát huy tối đa công suất phát, đem lại hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh điện năng.

2. Sản xuất cột bê tông ly tâm và cấu kiện bê tông.

Sản xuất cột BTLT 20m, 18m, 16m, 14m, 12m, 10.5 m, 8.4m, 7.3m và 7m.
Sản xuất ống BTLT, các sản phẩm bê tông thủ công đúc sẵn như móng néo, thanh ngáng, trụ thủ công 6

3. Hoạt động gia công và lắp đặt đường ống áp lực, lắp máy.

Lắp đặt các thiết bị cơ điện các nhà máy thủy điện. Chế tạo, sản xuất, gia công các sản phẩm cơ khí và đường ống áp lực…

4. Tư vấn, khảo sát thiết kế và giám sát thi công.

Tư vấn, khảo sát thiết kế và giám sát thi công các công trình thủy điện, nhiệt điện, thủy lợi, giao thông, đường dây, trạm biến áp đến 110kV…

5. Xây dựng nhà máy thủy điện.

Xây dựng các nhà máy thủy điện, các công trình thủy lợi, giao thông.

NHỮNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ ĐIỂN HÌNH (tt)

6. Xây dựng đường dây tải điện, trạm biến áp.

- Đường dây 110kV nhà máy Ayun Thượng 1A.
- Đường dây 110kV nhà máy H'mun.
- Đường dây 35kV nhà máy H'Chan, Đăk Pihao 2, Ia Puch 3.

7. Lắp đặt cầu trục, thiết bị cơ khí thủy công.

Lắp đặt các nhà máy thủy điện:
- Nhà máy Đăk Pihao 2,Ia Puch 3.
- Nhà máy H'mun, H'Chan.
- Nhà máy Nước Trong.

8. Phát triển công nghệ.

- Hệ thống Scada lắp đặt trạm sản xuất điện Ayun Hạ.
- Hệ thống giám sát điện năng qua internet.

9. Chế tạo cải tiến sản phẩm, phụ kiện thay thế.

- Thiết bị đo lường nhiệt độ, điện áp, dòng điện...
- Thiết bị điều khiển, hệ thống nạp ắc quy.
- Liên doanh chế tạo tủ bảng cao áp, tủ bảng đo lường, điều khiển, bảo vệ...

KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ

Trải qua hơn 20 năm hình thành và phát triển, đến nay Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (GEC) đã trở thành một thương hiệu uy tín trong ngành năng lượng điện Việt Nam, đặc biệt là trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng, vận hành, kinh doanh dự án thủy điện vừa và nhỏ.

Đón TTCP Nguyễn Tấn Dũng.

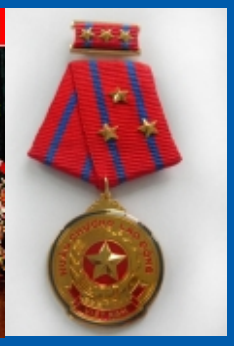

GEC đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất do Chủ tịch nước tặng.

Ông Tân Xuân Hiến đạt danh hiệu Doanh nhân tiêu biểu năm 2008.

Tham gia Đại hội Thi đua yêu nước Toàn quốc lần thứ VII.

Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đến thăm và làm việc tại Nhà máy thủy điện Ayun Hạ.

Lãnh đạo tỉnh bấm nút khởi công công trình thủy điện H'Mun.

KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ (tt)

Trước xu thế hội nhập, GEC đã trở thành thành viên chính thức của Tập đoàn Thành Thành Công vào tháng 01 năm 2013, một Tập đoàn kinh tế đa ngành nghề có tiềm lực vững mạnh, càng khẳng định và nâng cao vị thế của GEC, đồng thời mở ra cơ hội mới cho GEC tiếp tục phát triển.

Hiện nay GEC đang thực hiện tái cơ cấu danh mục đầu tư, tiếp tục mở rộng đầu tư trong lĩnh vực thủy điện vừa và nhỏ để mục tiêu đến năm 2020 đạt đến công suất 150MW, đồng thời nghiên cứu đầu tư sang các dạng năng lượng tái tạo khác đang được khuyến khích đầu tư như: nhiệt điện chạy bằng năng lượng sinh khối, phong điện… góp phần thúc đẩy ngành năng lượng sạch Việt Nam phát triển.

Với tinh thần không ngừng sáng tạo, đội ngũ nhân viên GEC đã có những sáng kiến và các giải pháp nâng cao công suất phát điện cũng như tiết kiệm năng lượng góp phần nâng công suất phát điện hòa vào lưới điện quốc gia.

Đội xây lắp điện thi công đường dây 110KV H'Mun Chư Sê.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông TÂN XUÂN HIẾN
Thành viên HĐQT

Sinh năm 1961 tại Phú Yên
Kỹ sư điện - Đại học Bách khoa Đà Nẵng và Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế TP HCM.

Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai.
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai.
- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Ayun Thượng.
- Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú.

Ông THÁI VĂN CHUYỆN
Chủ tịch HĐQT

Sinh năm 1978 tại Bến Tre
Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế TP HCM và Cử nhân Luật - Đại học Luật Hà Nội.

Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác:

- Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công.
- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa.
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh.

Ông ĐINH VĂN HIỆP
Thành viên HĐQT

Sinh năm 1974 tại Tiền Giang
Kỹ sư Điện tử - Đại học Cần Thơ và Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Đại học Bách khoa TP HCM.

Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai.
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư điện Tây Nguyên.
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Điện - Cao Su Gia Lai.

BAN KIỂM SOÁT

PHẠM CAO SƠN
Thành viên BKS

Sinh năm 1965 tại Ninh Bình
Cử nhân Kinh tế - Đại Học Kinh tế TP HCM.

Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác:

- Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa.
- Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai.

Ông LƯU MẠNH THỨC
Trưởng BKS

Sinh năm 1983 tại Lâm Đồng
Cử nhân Kinh tế - Kế toán kiểm toán - Đại học Văn Lang TP HCM.

Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác:

- Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa.
- Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai.
- Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đường Nước Trong.

NGUYỄN NGỌC LINH
Thành viên BKS

Sinh năm 1977 tại Gia Lai
Kỹ sư Điện - Điện tử - Đại học Bách khoa TP HCM và Kỹ sư Công nghệ Thông tin - Đại học Bách khoa Hà Nội.

Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác:

- Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Xây dựng - Bê tông ly tâm Gia Lai.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông PHAN THANH LẠC | Ông NGUYỄN ĐÌNH TUẤN | Ông TÂN XUÂN HIẾN | Ông NGUYỄN TÂM HÒA

THÔNG TIN CHI TIẾT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Tân Xuân Hiến - Tổng giám đốc Công ty

Sinh năm 1961

Kỹ sư Điện - ĐH Bách Khoa Đà Nẵng và Cử nhân Kinh tế - ĐH Kinh tế TP HCM.

Lời giới thiệu:

Với hơn 20 năm gắn bó cùng Công ty, trải qua bao thăng trầm của lịch sử, từ những ngày đầu thành lập Công ty cho đến hôm nay, ông Tân Xuân Hiến là một trong những nhà lãnh đạo đã chèo lái con thuyền, đưa GEC đạt được những thành công như mong đợi và tạo dựng nền tảng để GEC luôn phát triển và bền vững. Ông Tân Xuân Hiến hiện là TV HĐQT - Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Điện Gia Lai và đồng thời là Chủ tịch HĐQT CTCP thủy điện Gia Lai, Chủ tịch HĐQT CTCP Ayun Thượng, TV HĐQT CTCP Mía đường - Nhiệt Điện Gia Lai, Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH MTV Xây dựng - Bê tông ly tâm Gia Lai và đang là Chủ tịch Ủy ban Năng lượng Tập đoàn Thành Thành Công.

Ông Nguyễn Đình Tuấn - Phó Tổng giám đốc

Sinh năm 1963

Kỹ sư Điện - ĐH Bách Khoa Đà Nẵng.

Lời giới thiệu:

Là một trong những nhà lãnh đạo có tâm huyết, gắn bó với Công ty ngay trong những buổi đầu thành lập, ông Nguyễn Đình Tuấn luôn được kỳ vọng sẽ tiếp tục cùng Ban Tổng giám đốc đưa GEC ngày càng phát triển cả bề mặt lẫn chiều sâu. Ngoài vị trí Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Điện Gia Lai, ông Tuấn còn giữ vai trò TV HĐQT kiêm Giám đốc CTCP thủy điện Gia Lai, Chủ tịch HĐQT CTCP Điện Cao su Gia Lai, Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH MTV Cơ Điện Diên Phú, Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH MTV TV&PTNL Gia Lai, TV HĐTV Công ty TNHH GKC.

Ông Phan Thanh Lạc - Phó Tổng giám đốc

Sinh năm 1960

Cử nhân Tài chính - Kế toán - ĐH Bách Khoa Đà Nẵng.

Lời giới thiệu:

Trước khi được bổ nhiệm vào chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty, ông Phan Thanh Lạc đã có nhiều năm ở vị trí Kế toán trưởng Công ty. Với những trải nghiệm trong quá trình quản lý hệ thống tài chính - kế toán của Công ty, ông Lạc sẽ cùng Ban Tổng giám đốc Công ty đưa ra những quyết sách phù hợp với từng thời kỳ phát triển của Công ty. Hiện nay, ông Phan Thanh Lạc còn đảm nhiệm vai trò Chủ tịch HĐQT CTCP Điện Tây Nguyên, TV HĐQT kiêm Giám Đốc CTCP Ayun Thượng, Chủ tịch HĐQT CTCP thủy điện Kênh Bắc Ayun Hạ.

Ông Nguyễn Tâm Hòa - Phó Tổng giám đốc

Sinh năm 1978

Kỹ sư xây dựng, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - ĐH Bách Khoa TP HCM.

Lời giới thiệu:

Ông Nguyễn Tâm Hòa có nhiều năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực quản lý dự án đầu tư xây dựng, đầu tư tài chính cũng như công tác quản trị, điều hành tại nhiều công ty. Bằng những kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn đúc kết được trong quá trình công tác, ông Hòa được kỳ vọng sẽ đóng vai trò tích cực trong sự phát triển chung của GEC. Hiện nay, ông Hòa còn giữ vai trò TV. HĐQT CTCP thủy điện Gia Lai, TV. HĐQT CTCP thủy điện Thượng Lộ.

CÁN BỘ QUẢN LÝ

Ông LÊ BÁ NHẬT TUẤN
TP Kỹ thuật - Sản xuất

Sinh năm 1962
Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy.

Ông TRƯƠNG VĂN LÂN
TP Kế hoạch - Đầu tư

Sinh năm 1968
Cử nhân khoa học.

Ông LÊ VĂN MINH
Chánh văn phòng HĐQT

Sinh năm 1984
Cử nhân kinh tế.

Bà TRẦN THỊ PHƯƠNG
TP. Tài chính - Kế toán,
Kế toán trưởng

Sinh năm 1978
Cử nhân Tài chính - Kế toán.

Ông HÀ NGUYÊN HOÀNG
Phó Giám đốc phụ trách
Trung Tâm Phát triển Công nghệ

Sinh năm 1983
Thạc sỹ Tự động hóa.

CỦNG CỐ NỘI LỰC
NÂNG TẦM GIÁ TRỊ

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2013, nền kinh tế có những chuyển biến tích cực so với những năm trước, thể hiện ở việc chỉ số lạm phát được kiểm soát ở mức 1 con số, lãi suất vay giảm và Chính phủ đã có những biện pháp tái cấu trúc lại nền kinh tế. Tuy nhiên, trước bối cảnh nền kinh tăng trưởng còn thấp, chính sách tiền tệ thắt chặt, khủng hoảng, khó khăn vẫn còn tồn tại đã ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế vĩ mô nói chung và GEC nói riêng.

Đứng trước những khó khăn vẫn còn tồn tại của nền kinh tế, Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đã có những bước đi đúng đắn, đề ra các mục tiêu hoạt động kịp thời và hợp lý, tận dụng tốt các thời cơ và đưa ra những quyết sách hợp lý giúp GEC phát triển ổn định và hoàn thành nhiệm vụ, kế hoạch mà ĐHĐCĐ đã đề ra trong năm 2012. Kết thúc năm tài chính Công ty đã đạt được những thành quả sau:

- Tổng doanh thu đạt : 284.868 triệu đồng

- Lợi nhuận sau thuế : 118.237 triệu đồng

- Cổ tức năm 2012 : Tỷ lệ trả cổ tức bằng tiền mặt trên Vốn điều lệ bình quân năm 2012 là 18%/Vốn Điều lệ bình quân (411 tỷ đồng) *.

Trong năm 2012, các cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị diễn ra 2 tháng 1 lần nhằm thảo luận, giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT và một số cuộc họp bất thường để giải quyết các vấn đề đột xuất. Ngoài ra, HĐQT cũng thường xuyên tổ chức các cuộc họp giữa HĐQT với Ban điều hành Công ty và các Công ty thành viên để trao đổi, triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông; đánh giá tình hình hoạt động vừa qua và vạch ra định hướng hoạt động của Công ty trong thời gian tiếp theo.

Về cơ cấu tổ chức, trong năm 2012 HĐQT Công ty đã có một số thay đổi về mặt nhân sự nhằm tăng cường sự ổn định và vai trò quản trị của của từng thành viên cũng như của Công ty. Cụ thể, trong năm 2012 Đại hội đồng Cổ đông thống nhất giảm số thành viên Hội đồng quản trị xuống còn 3 thành viên, và Ngày 09/07/2012 HĐQT thống nhất thôi nhiệm ông Phùng Nguyễn Âu Đệ theo nguyện vọng cá nhân, ngày 08/11/2012 HĐQT thống nhất bầu bổ sung ông Đinh Văn Hiệp tham gia Thành viên HĐQT. Với 03 thành viên quản trị điều hành Công ty, HĐQT đã hoạt động tích cực, liên tục và có những đóng góp đáng kể cho việc hoạch định chích sách, phương hướng hoạt động của Công ty trong giai đoạn Công ty đang chuyển mình vươn lên tầm cao mới.

Trong năm 2012 GEC đã được Tập đoàn Thành Thành Công hỗ trợ trên nhiều lĩnh vực cả chiều rộng lẫn chiều sâu, đặc biệt trong việc hoạch định chiến lược, công tác nhân sự, hỗ trợ về tài chính, xây dựng hệ thống thương hiệu và hệ thống văn bản lập quy phù hợp với đặc điểm hoạt động của GEC. Định hướng trong năm 2013 với tiềm lực tài chính dồi dào, nền tảng kinh doanh ổn định và thế mạnh của đội ngũ nhân sự năng động và giàu kinh nghiệm, GEC sẽ tiếp tục tập trung phát triển theo hướng lấy hoạt động sản xuất kinh doanh chính làm hướng phát triển trọng tâm chiến lược, giữ vững uy tín và vị thế trên địa bàn tỉnh Gia Lai, tận dụng và phát huy lợi thế cạnh tranh từ hệ thống các Công ty thành viên về các lĩnh vực kinh doanh khác nhau để nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh cho Công ty, thực hiện nghiên cứu thị trường và tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các dự án mới hướng đến mục tiêu trở thành một trong những Tổng Công ty lớn nhất trong lĩnh vực năng lượng sạch tại khu vực miền Trung – Tây Nguyên vào năm 2020.

(*): Chỉ tiêu cổ tức phấn đấu được ĐHCĐ thông qua là 20%/VĐL bình quân 392,15 tỷ đồng nhưng thực tế thời điểm tăng vốn sớm hơn kế hoạch nên Vốn điều lệ bình quân tính chia cổ tức cuối năm là 411 tỷ đồng. Do vậy, kết quả kinh doanh đạt được trong năm 2012 tương đương đạt chỉ tiêu kế hoạch trả cổ tức phấn đấu được ĐHCĐ thường niên 2012 đã giao.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thực thi quyền hạn và trách nhiệm theo Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát đã thực hiện giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc.

Trong năm 2012 Ban Kiểm soát đã xây dựng hệ thống kiểm soát xuyên suốt từ GEC đến các Công ty thành viên. Cùng với việc thành lập Phòng Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Kiểm soát đã giúp cho hoạt động kiểm tra, kiểm soát được thực hiện một cách thường xuyên, liên tục cho tất cả các hoạt động của Công ty. Thông qua công tác kiểm tra, Ban Kiểm soát đã đưa ra những khuyến nghị đến Hội đồng quản trị, Ban điều hành để ngăn ngừa những rủi ro trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Trong năm 2013, nền kinh tế được dự báo tiếp tục khó khăn, điều này sẽ ảnh hưởng nhất định đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Do đó, nhiệm vụ trọng yếu Công ty cần quan tâm là xây dựng định hướng chiến lược kinh doanh phù hợp, trên cơ sở đó tiếp tục tái cấu trúc bộ máy. Ban Kiểm soát tiếp tục thực thi nhiệm vụ giám sát và hỗ trợ Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong công tác tái cấu trúc, hoàn thiện hệ thống văn bản lập quy, tăng cường công tác kiểm tra tính tuân thủ tại Đơn vị và các Công ty thành viên.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị, trong năm qua Ban Tổng giám đốc đã tập trung điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty và đã đạt được những kết quả như sau:

I. THỰC HIỆN NHIỆM VỤ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2012

1. Về sản xuất kinh doanh điện năng

   Trong năm 2012, hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng có nhiều thuận lợi. Thời tiết mưa nhiều vào các tháng cuối năm 2011 tạo cơ hội tích nước và đồng thời trong năm 2012 mưa rải đều các tháng đã giúp các nhà máy thủy điện hoạt động ổn định, phát huy tối đa công suất.

   Hoàn thành tốt công tác quản lý vận hành, sửa chữa bảo dưỡng các nhà máy thủy điện kịp thời, điều tiết lưu lượng nước phục vụ cho công tác phát điện vào giờ cao điểm góp phần tăng sản lượng điện sản xuất và doanh thu bán điện.

   Tổng sản lượng điện sản xuất và điện mua kinh doanh toàn Công ty đạt 119,8 triệu kWh, vượt 3% so với chỉ tiêu kế hoạch và vượt 5% so với năm 2011.

2. Về hoạt động xây dựng cơ bản và dịch vụ tư vấn

   Hoạt động xây dựng cơ bản triển khai trong năm qua gặp nhiều khó khăn, sụt giảm về doanh thu, chỉ đạt 37 tỷ đồng, bằng 74% so với chỉ tiêu kế hoạch giao. Nguyên do chủ yếu các hạng mục công trình triển khai chịu ảnh hưởng bởi các nguyên nhân khách quan như việc giải phóng mặt bằng (rừng) diễn biến phức tạp hơn trước rất nhiều.

3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

   Thủy điện Đăk Pihao 1: đến nay, cơ bản đã triển khai xong các hạng mục chính như đường, điện thi công, san lấp mặt bằng và tiến hành chặn dòng xây đập. Trong năm 2013, Công ty sẽ nỗ lực phấn đấu hoàn thành xây dựng nhà máy và phát điện đúng tiến độ.

   Các dự án thủy điện khác: công tác nhận chuyển nhượng các dự án thuỷ điện còn chậm do một số nguyên nhân khách quan như: chủ trương rà soát lại quy hoạch thuỷ điện của chính phủ, vướng mắc về cơ chế chuyển nhượng tại các địa phương; đánh giá tính khả thi của dự án…Dự án Đăk Lô 1; 2; 3 đang chờ quyết định phê duyệt của UBND tỉnh Kon Tum.

4. Đầu tư tài chính

   Thực hiện chủ trương của Hội đồng quản trị về tái cơ cấu danh mục đầu tư, hoạt động đầu tư tài chính năm 2012 của Công ty mang lại nguồn lợi cao, với doanh thu đạt 141 tỷ đồng, đạt 139% so với chỉ tiêu kế hoạch và tăng 21% so với năm 2011.

   Trong năm Công ty đã thực hiện đầu tư mua thêm cổ phần của CTCP Đầu tư Điện Tây Nguyên (TIC), tăng tỷ lệ sở hữu từ 54% lên 58%, CTCP Ayun Thượng từ 77% lên 96%, CTCP Điện - Cao su từ 68% lên 82%.

   Thực hiện tái cơ cấu danh mục đầu tư vào lĩnh vực mía đường trong đó chuyển nhượng cổ phiếu SEC và đầu tư ngắn hạn các cổ phiếu mía đường khác như SBT, NHS và BHS.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2012

Kết quả hoạt động SX-KD	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2012	SS TH.2011	SS KH.2012
1. Tổng doanh thu	**294.702**	**284.868**	***103%***	***97%***
Sản xuất kinh doanh điện	*86.236*	*91.789*	*117%*	*106%*
Hoạt động XDCB	*82.169*	*36.908*	*39%*	*45%*
Hoạt động tài chính	*116.402*	*141.291*	*139%*	*121%*
Cung cấp dịch vụ, doanh thu khác	*9.894*	*14.879*	*2834%*	*150%*
2. Lợi nhuận trước thuế	**119.150**	**132.106**	***135%***	***111%***
3. Lợi nhuận sau thuế	**111.018**	**118.237**	***133%***	***107%***
4. LN còn lại sau chia liên doanh	**87.014**	**88.588**	***158%***	***102%***
5. ROE	22%	22%		
6. ROA	9%	10%		

III. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2013

1. Tập trung hoàn thành các dự án thủy điện chuyển tiếp, đưa vào sản xuất theo tiến độ nhằm bảo đảm khả năng tăng trưởng cho những năm tiếp theo; Tiếp tục đẩy mạnh công tác đầu tư phát triển, đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư trọng điểm nằm trong chiến lược phát triển của Công ty. Phát huy hiệu quả các dự án đã hoàn thành. Đối với hoạt động đầu tư, Công ty chú trọng rà soát và lựa chọn các dự án thủy điện có hiệu quả để nghiên cứu và thực hiện đầu tư nhằm mở rộng quy mô SXKD, tạo tích lũy vốn cho Công ty.
2. Tiếp tục đẩy mạnh mọi biện pháp giảm chi phí sản xuất, giảm giá thành sản xuất và tiết kiệm chi phí hoạt động điều hành.
3. Tăng cường công tác dự báo, nghiên cứu, phân tích thị trường làm cơ sở để chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh. Triển khai kế hoạch hợp tác toàn diện với các đối tác chiến lược nhằm huy động vốn cho các dự án lớn và đa dạng hoá ngành nghề.
4. Công ty tập trung xây dựng các đơn vị thành viên có cơ cấu ngành nghề hợp lý, lựa chọn thế mạnh để đầu tư xây dựng ngành nghề chính, kết hợp phát triển các ngành nghề khác đảm bảo sự tương tác, hỗ trợ và thúc đẩy nhau cùng phát triển.
5. Cũng trong giai đoạn kế hoạch chiến lược 2013 - 2017, đặc biệt năm 2013 Công ty chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ Cán bộ Lãnh đạo và Công nhân kỹ thuật, thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo và bổ nhiệm Cán bộ có thời hạn.
6. Chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh đạt doanh thu 257 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 141 tỷ đồng.

QUẢN TRỊ MINH BẠCH - NUÔI DƯỠNG NIỀM TIN

1. Tăng vốn điều lệ trong năm 2012

Năm	Phương thức phát hành	Đối tượng phát hành	Vốn điều lệ trước phát hành	Vốn huy động từ đợt phát hành	Vốn điều lệ sau phát hành
2012	Phát hành riêng lẻ	Đối tác chiến lược	261.435.930.000	261.435.930.000	522.871.860.000

2. Thông tin cổ đông tính đến ngày 31/12/2012

a. Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông theo loại hình:

Cơ cấu cổ đông	Số Cổ đông (CĐ)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn cổ phần (đồng)
Cá nhân trong nước	273	8,8	46.020.660.000
Pháp nhân trong nước	13	91,2	476.851.200.000
Cộng	286	1 00	522.871.860.000

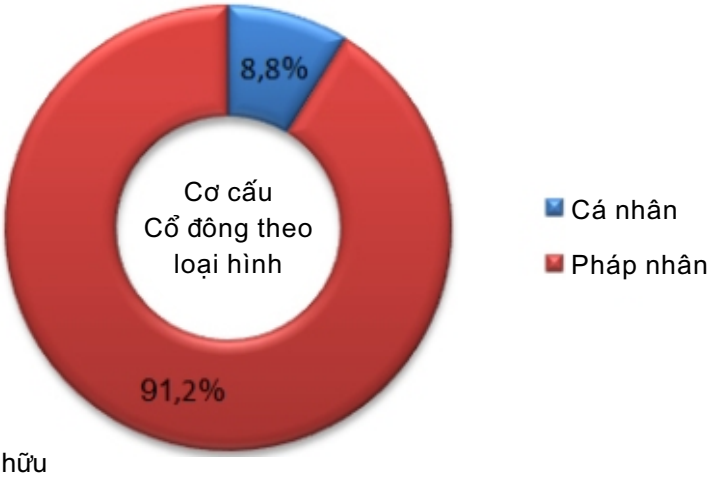

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu

Cơ cấu cổ đông	Số Cổ đông (CĐ)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn cổ phần (đồng)
Sở hữu từ 10%	4	64,194	335.653.710.000
Sở hữu từ 5% đến dưới 10%	2	19,543	102.185.930.000
Sở hữu từ 1% đến dưới 5%	4	8,790	45.961.390.000
Sở hữu dưới 1%	276	7,473	39.070.830.000
Cộng	286	100	522.871.860.000

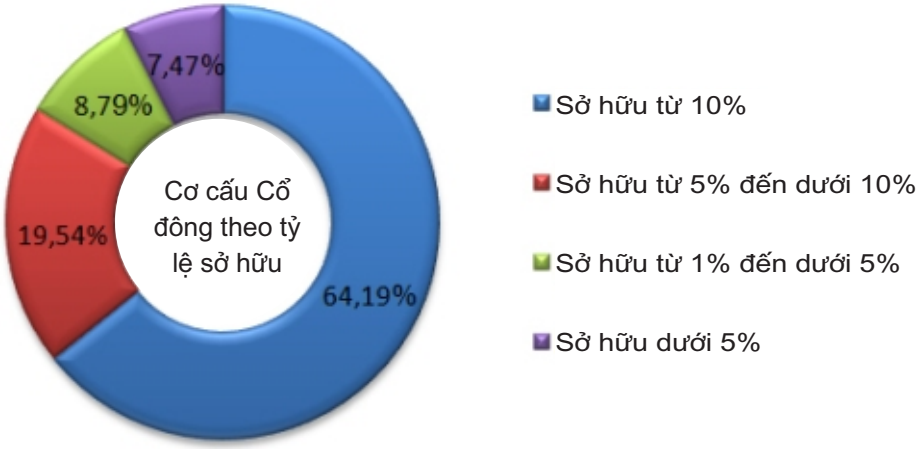

b. Cổ đông lớn

Cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn cổ phần gồm:

STT	Tên Cổ đông	Ngành hoạt động	Số lượng Cổ phiếu (CP)	Tỷ lệ sở hữu(%)
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Tín Việt	Đầu tư	12.565.371	24,031
2	Công ty Cổ phần đường Ninh Hòa	Mía đường	7.000.000	13,338
3	Công ty Cổ phần giao dịch hàng hóa Sơn Tín	Giao dịch hàng hóa	7.000.000	13,338
4	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre	Xuất nhập khẩu	7.000.000	13,338
5	Công ty Cổ phần kho vận Thiên Sơn	Kho bãi	5.143.593	9,837
6	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Ngân hàng	5.075.000	9,706

3. Quản trị Công ty

a. Những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ của Cổ đông nội bộ và người có liên quan.

Trong năm 2012, Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và người có liên quan không có giao dịch cổ phiếu GEC. Tuy nhiên việc tăng vốn điều lệ đã dẫn đến thay đổi tỷ lệ sở hữu của các Cổ đông nội bộ và người có liên quan như sau:

Thay đổi tỷ lệ sở hữu của Cổ đông nội bộ		31/12/2011	31/12/2012	Thay đổi
Ban Kiểm soát				
1	Nguyễn Ngọc Linh	0.01%	0.005%	- 0.005%
Ban điều hành				
1	Tân Xuân Hiến	1,004%	0,502%	-0,502%
2	Phan Thanh Lạc	0,516%	0,258%	- 0,258%
Kế toán trưởng				
1	Trần Thị Phương	0.04%	0.039%	- 0.001%

b. Thông tin về giao dịch cổ phiếu của Cổ đông lớn và người có liên quan.

Giao dịch cổ phiếu và tăng, giảm sở hữu cổ phiếu trong năm 2012 của Cổ đông lớn thực hiện cụ thể như sau:

STT	Tên Cổ đông	Loại giao dịch	Số lượng CP sở hữu tại ngày 31/12/2011 (CP)	Số lượng CP sở hữu tại ngày 31/12/2012 (CP)
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Tín Việt	Mua/Bán	10.465.371	12.565.371
2	Công ty Cổ phần đường Ninh Hòa	Mua Phát hành riêng lẻ	0	7.000.000
3	Công ty CP giao dịch hàng hóa Sơn Tín	Mua Phát hành riêng lẻ	0	7.000.000
4	Công ty CP Xuất nhập khẩu Bến Tre	Mua Phát hành riêng lẻ	0	7.000.000
5	Công ty Cổ phần kho vận Thiên Sơn	Mua Phát hành riêng lẻ	0	5.143.593
6	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Mua/Bán	2.875.000	5.075.000

c. Hoạt động công bố thông tin

Với tiêu chí minh bạch hóa thông tin, Công ty Cổ phần Điện Gia Lai luôn coi trọng hoạt động quan hệ cổ đông, hoạt động công bố thông tin nhằm cập nhật thông tin về hoạt động doanh nghiệp một cách đầy đủ, trung thực và kịp thời cho các cổ đông, nhà đầu tư cũng như các đối tác quan tâm đến cổ phiếu của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai. Chúng tôi luôn coi đây là trách nhiệm đối với các cổ đông, nhà đầu tư, cũng như với chính sách phát triển bền vững của Công ty.

Trong năm 2012 GEC đã thực hiện công bố thông tin các nội dung sau:

- Kết quả kinh doanh định kỳ hàng quý và các sự kiện nổi bật.
- Báo cáo tài chính định kỳ hàng quý, bán niên và năm, giải trình các biến động kinh doanh.
- Báo cáo quản trị Công ty định kỳ.
- Công bố các thông tin về các Quyết định, Nghị quyết của Hội đồng quản trị liên quan đến chiến lược phát triển của Công ty.

VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC ĐOÀN THỂ

Công ty có hai tổ chức đoàn thể là Công đoàn cơ sở và Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. Trong những năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, được sự quan tâm giúp đỡ về mọi mặt của HĐQT và Ban điều hành, các tổ chức đoàn thể hoạt động sôi nổi trên các lĩnh vực, từ đó đã góp phần không nhỏ vào việc hoàn thành kế hoạch SXKD của Công ty.

Với chức năng và nhiệm vụ của mình, các tổ chức đoàn thể đã làm tốt vai trò trong các lĩnh vực công tác: Tuyên truyền, vận động đoàn viên, CBCNV cố gắng phấn đấu thực hiện nhiệm vụ được giao; Phối hợp với Ban điều hành tổ chức phát động các phong trào thi đua như phong trào lao động giỏi, lao động sáng tạo, đảm bảo ATVSLĐ - PCCN, phong trào VHVN - TDTT, phong trào quyên góp ủng hộ các quỹ xã hội từ thiện, tổ chức cho CBCNV đi tham quan du lịch...;

Ban chấp hành CĐCS làm tốt công tác bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng của người lao động, phối hợp với Ban điều hành tổ chức Hội nghị người lao động để CBCNV được tham gia ý kiến về các lĩnh vực hoạt động, đồng thời nắm bắt được kế hoạch, định hướng phát triển của Công ty để từ đó mỗi CBCNV cố gắng phấn đấu mang hết khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao.

Với những thành tích đã đạt được, hàng năm các tổ đoàn thể đều được công nhận "Vững mạnh xuất sắc toàn diện" và được cấp trên khen thưởng.

TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Với tinh thần “tương thân, tương ái”, trong những năm qua các hoạt động xã hội, từ thiện luôn được HĐQT, Ban điều hành và các tổ chức đoàn thể trong Công ty đặc biệt quan tâm. Xác định trách nhiệm của mỗi người dân Việt Nam đối với khó khăn của đất nước, của xã hội, bằng tình yêu thương con người, cán bộ công nhân viên Công ty đã tích cực tham gia các hoạt động ủng hộ từ thiện, nhân đạo, thực hiện chính sách an sinh - xã hội như: Ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa; Nạn nhân chất độc da cam/dioxin; Ngày vì người nghèo; Quỹ bảo vệ trẻ em, người tàn tật; Xây dựng nhà tình thương; Tặng quà gia đình thương binh, liệt sỹ; Ủng hộ đồng bào bị thiên tai, bão lụt trong và ngoài nước...

Năm 2012, CBCNV trong Công ty đã quyên góp 1 ngày lương, đồng thời Công ty trích quỹ phúc lợi xây dựng 2 nhà tình thương trị giá 100 triệu đồng để tặng cho 2 gia đình đồng bào dân tộc Ba Na trên địa bàn huyện Kong Chro; ủng hộ các quỹ xã hội, từ thiện 55 triệu đồng; Ủng hộ các tổ chức đoàn thể ngoài Công ty và địa phương trên địa bàn Công ty đứng chân 11 triệu đồng; tổ chức cho 40 CBCNV đi tham quan du lịch trong nước và nước ngoài 181 triệu đồng; tặng quà và tổ chức gặp mặt các cháu thiếu niên nhi đồng 46,2 triệu đồng; ủng hộ gia đình CBCNV gặp hoàn cảnh khó khăn, tặng quà nhân dịp lễ, tết, sinh nhật cho CBCNV trên 70 triệu...; Tổng chi ủng hộ và làm công tác xã hội từ thiện của Công ty năm 2012 gần 466 triệu đồng.

Đây là những hoạt động thiết thực, thể hiện truyền thống "lá lành đùm lá rách" của CBCNV Công ty Cổ phần Điện Gia Lai nói riêng và của người dân Việt Nam nói chung.

CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong những năm gần đây, Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (GEC) luôn phát huy vai trò là doanh nghiệp địa phương đi đầu trong lĩnh vực sản xuất điện góp phần phục vụ cho sự phát triển nền kinh tế đất nước nói chung và địa phương nói riêng. Trong hoạt động SXKD, Công ty đặc biệt chú trọng công tác bảo vệ môi trường sinh thái cho khu vực thượng lưu, hạ lưu các nhà máy thủy điện do Công ty xây dựng và quản lý vận hành... Công ty luôn thực hiện tốt phong trào Xanh - Sạch - Đẹp; Xây dựng các hoa viên, trồng cây cảnh, cây xanh, cây ăn quả... tạo cảnh quan, môi trường cho các Nhà máy thủy điện, đó là điều kiện cần thiết có tính quyết định đến sự phát triển bền vững của Công ty.

Hàng năm, Công ty đã đầu tư hàng trăm triệu đồng cho việc trồng và chăm sóc vườn hoa, cây cảnh, cây xanh, cây ăn quả... tạo cảnh quan khu các nhà máy, trụ sở cơ quan, mái đập chính, khu nhà điều hành, nhà khách, hội trường, sân thể thao... Để có một một môi trường trong lành như thế, Lãnh đạo Công ty đã tích cực đưa ra nhiều biện pháp nhằm làm tốt công tác chăm sóc và bảo vệ môi trường, như: Thực hiện nghiêm chỉnh Luật môi trường tại đơn vị, chấp hành tốt việc quản lý chất thải và chất thải nguy hại, thu gom, phân loại, quản lý, bàn giao xử lý đúng quy định, xây dựng bãi chứa chất thải nguy hại đúng quy cách; Thực hiện đầy đủ Báo cáo đánh giá tác động môi trường, kết quả đo đạc phân tích các chỉ tiêu về môi trường đều trong tiêu chuẩn cho phép, tích cực trồng nhiều cây xanh...

CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (tt)

Hàng năm, Công ty đã tiến hành nâng cấp các thiết bị hiện đại, thay mới nhiều thiết bị công nghệ cao, góp phần giảm tiếng ồn, giảm nhiệt độ, giảm lượng dầu, nước rò rỉ (hệ thống nén khí, hệ thống điều hoà công nghiệp, các tổ máy chính và hệ thống giám sát - đo lường - điều khiển v.v...); Người lao động luôn được quan tâm, chế độ bồi dưỡng độc hại, ăn giữa ca được thực hiện đầy đủ. Công ty đã tổ chức cho CBCNV đi khám sức khoẻ định kỳ theo quy định, cấp phát đầy đủ trang bị BHLĐ cho công nhân; Thực hiện nghiêm chỉnh các quy trình, quy phạm về công tác ATVSLĐ - PCCC, xây dựng quy trình ứng phó tình trạng khẩn cấp khi có sự cố cháy nổ, tràn dầu; tăng cường công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của CBCNV trong công tác bảo vệ môi trường. Điều quan trọng là ở các nhà máy thủy điện, người lao động rất có ý thức về việc thực hiện vệ sinh nơi làm việc, từ gian máy, phòng điều khiển trung tâm, các tổ sản xuất, các phòng làm việc luôn luôn sạch sẽ, gọn gàng. Do phấn đấu thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, qua kiểm tra hàng năm, Công ty luôn được các cơ quan chức năng đánh giá tốt về công tác bảo vệ môi trường như: Quá trình vận hành nhà máy không phát sinh các khí độc hại; môi trường trong các nhà máy và khu vực xung quanh là rất tốt. Các thông số về không khí, nước đều ở mức cho phép; nhà máy không sử dụng các nguồn rát thải, những tác nhân hóa học làm ô nhiễm môi trường không khí, nước, đất. Nước làm mát không có yếu tố tác động gì đến môi trường; lượng rò rỉ của dầu mỡ bôi trơn rất thấp và đã qua xử lý nên độ nhiễm bẩn nguồn nước là vô cùng nhỏ; các nhà máy đều có biện pháp chống xói lở bờ hạ lưu; hoạt động của dây chuyền sản xuất điện của các nhà máy không làm biến đổi môi trường nước; tiếng ồn và độ rung của nhà máy không ảnh hưởng đến dân cư khu vực. Ông Tân Xuân Hiến - Tổng giám đốc Công ty chỉ đạo: “Các nhà máy thủy điện của Công ty với nhiệm vụ chính là sản xuất điện cung cấp cho hệ thống. Việc sử dụng nguồn nước trong sản xuất điện không những được coi là năng lượng sạch mà còn góp phần đáng kể vào cải thiện môi trường. Trong nhiều năm qua, Lãnh đạo Công ty luôn chú trọng và quan tâm đầu tư công tác chăm sóc bảo vệ môi trường, cải thiện các điều kiện làm việc cho người lao động. Nổi bật là, đã nâng cấp toàn bộ thiết bị trong dây chuyền sản xuất, hệ thống thông gió trong nhà máy; cải tạo hệ thống điều hòa công nghiệp, hệ thống đèn chiếu sáng; lát gạch nền gian máy, lát nền hầm cáp, trồng thêm nhiều cây xanh trong phạm vi quản lý của các nhà máy, tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp. Bên cạnh đó, đã hoàn thiện, củng cố các hồ sơ và những yêu cầu về chấp hành Luật Môi trường, quản lý chặt chẽ và phân loại các chất thải thường và chất thải nguy hại…”.

Với truyền thống 24 năm xây dựng và trưởng thành, mỗi CBCNV Công ty Cổ phần Điện Gia Lai bằng những hành động thiết thực là nỗ lực bảo vệ môi trường ngày càng trong sạch hơn.

CÔNG TY THÀNH VIÊN, LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

CÔNG TY CP MÍA ĐƯỜNG NHIỆT ĐIỆN GIA LAI

561 Trần Hưng Đạo,
Thị xã Ayunpa, Tỉnh Gia Lai
www.secgialai.vn
Vốn điều lệ: 174,0 tỷ đồng
Tỷ lệ vốn góp của GEC: 29,0%
Doanh thu: 708,6 tỷ
lợi nhuận (tt): 75,3 tỷ

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ ĐIỆN TÂY NGUYÊN

114 Trường Chinh, Tp.Pleiku,
Tỉnh Gia Lai
www.ticcom.com.vn
Vốn điều lệ: 246,5 tỷ đồng
Tỷ lệ vốn góp của GEC: 57,6 %
Doanh thu: 33,3 tỷ
lợi nhuận (tt): 30,0 tỷ

CÔNG TY CP ĐIỆN GIA LAI

114 Trường Chinh, Tp.Pleiku,
Tỉnh Gia Lai
www.geccom.vn
Vốn điều lệ: 522,8 tỷ
Doanh thu: 284,9 tỷ
Lợi nhuận (tt): 132,1 tỷ

CÔNG TY CỔ PHẦN AYUN THƯỢNG

114 Trường Chinh,
Tp.Pleiku, Tỉnh Gia Lai
www.gacgialai.vn
Vốn điều lệ: 80,0 tỷ đồng
Tỷ lệ vốn góp của GEC: 95,7 %
Doanh thu: 52,8 tỷ
lợi nhuận (tt): 4,3 tỷ

CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN GIA LAI

28 Phạm Văn Đồng,
Tp.Pleiku, Tỉnh Gia Lai
www.ghc.vn
Vốn điều lệ: 100,0 tỷ đồng
Tỷ lệ vốn góp của GEC: 53,4 %
Doanh thu: 136,1 tỷ
lợi nhuận (tt): 69,8 tỷ

CÔNG TY TNHH MTV XD BÊ TÔNG LY TÂM GIA LAI

28 Phạm Văn Đồng,
Tp.Pleiku, Tỉnh Gia Lai
www.gccgialai.vn
Vốn điều lệ: 2,0 tỷ đồng
Tỷ lệ vốn góp của GEC: 100,0 %
Doanh thu: 7,4 tỷ
lợi nhuận (tt): 1,0 tỷ

CÔNG TY CP ĐIỆN CAO SU GIA LAI

114 Trường Chinh,
Tp.Pleiku, Tỉnh Gia Lai
www.grcgialai.vn
Vốn điều lệ: 130,0 tỷ đồng
Tỷ lệ vốn góp của GEC: 81,5 %
Doanh thu: 47,8 tỷ
lợi nhuận (tt): 9,6 tỷ

GẶT HÁI THÀNH CÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện Gia Lai công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Điện Gia Lai theo Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 01/6/2010 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5900181213 ngày 09/09/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 06/06/2012.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 522.871.860.000 đồng.
Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/201***2:*** 522.871.860.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Số 114 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố PLeiku, Tỉnh Gia Lai
- Điện thoại: (84) 059.3823604
- Fax: (84) 059.3826365
- Website: www.geccom.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất truyền tải và phân phối điện;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Mua bán xuất nhập khẩu máy móc thiết bị điện, thiết bị cơ điện, thiết bị công nghiệp, động cơ điện, máy biến thế và các vật liệu điện khác; Máy móc thiết bị để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, khai khoáng, xây dựng, thiết bị máy văn phòng;
- Trồng cây cao su;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: Xây dựng công trình giao thông đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình công nghiệp, thủy điện, xây dựng đập đê, đắp đường và các công trình khác;
- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng công trình thủy lợi;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn khảo sát, thiết kế, thi công các công trình thủy điện vừa và nhỏ; Tư vấn lập dự án, khảo sát, thiết kế thi công đường dây và trạm biến áp (có cấp điện áp từ 110KV trở xuống); Giám sát thi công xây dựng công trình thủy điện vừa và nhỏ, đường dây và trạm biến áp (có cấp điện áp từ 110KV trở xuống);
- Sản xuất đường;
- Sản xuất bột giấy, giấy và bìa;

- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu;
- Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh: Sản xuất rượu;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp: Mua bán vật tư, thiết bị và phụ tùng chuyên ngành mía đường;
- Trồng cây mía;
- Chăn nuôi trâu, bò;
- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Mua bán phân bón các loại;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Dịch vụ lữ hành;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa phân vào đâu được sử dụng như hàng hóa trong kinh doanh;
- Vận tải hành khách đường bộ khác: Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách; hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch;
- Cung ứng lao động tạm thời: Cung ứng, cho thuê lao động, công nhân vận hành các máy móc, thiết bị kỹ thuật, máy móc, thiết bị điện;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động: Cung ứng, cho thuê lao động, công nhân vận hành các máy móc, thiết bị kỹ thuật, máy móc, thiết bị điện;
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội): Đầu tư tài chính;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác: Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng kèm người điều khiển;
- Làm dịch vụ cho các hộ nông dân trồng nguyên liệu phục vụ cho nhà máy chế biến đường.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 261 người. Trong đó, nhân viên quản lý 24 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Thái Văn Chuyện	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 16/05/2012
	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28/09/2011

• Ông Phùng Nguyễn Âu Đệ	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28/09/2011
		Miễn nhiệm ngày 16/05/2012
	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 16/05/2012
		Miễn nhiệm ngày 09/07/2012
• Ông Tân Xuân Hiến	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27/08/2010
• Ông Đinh Văn Hiệp	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20/06/2011
		Miễn nhiệm ngày 09/04/2012
		Bổ nhiệm lại ngày 08/11/2012
• Ông Đoàn Thanh Quang	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27/08/2010
		Miễn nhiệm ngày 09/04/2012

Ban Kiểm soát

• Ông Lưu Mạnh Thức	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 05/06/2012
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09/04/2012
• Ông Đinh Văn Bình	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 27/08/2010
		Miễn nhiệm ngày 09/04/2012
• Ông Phạm Cao Sơn	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 09/04/2012
		Miễn nhiệm ngày 05/06/2012
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05/06/2012
• Bà Lương Ái Trúc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/04/2011
		Miễn nhiệm ngày 09/04/2012
• Ông Nguyễn Ngọc Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/08/2010

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Tân Xuân Hiến	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27/08/2010
• Ông Phan Thanh Lạc	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/12/2010
• Ông Nguyễn Đình Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/04/2011
• Ông Đinh Văn Hiệp	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18/01/2012
		Miễn nhiệm ngày 01/01/2013
• Ông Nguyễn Tâm Hòa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10/12/2012
• Bà Trần Thị Phương	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01/12/2010

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chủ tịch hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty đã ủy quyền cho Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính bằng Quyết định số 36/2012/QĐ-HĐQT ngày 05/07/2012 "về việc ủy quyền ký kết các văn bản liên quan".

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI

Tăng Xuân Hiến

Gia Lai, ngày 26 tháng 03 năm 2013

Số: 358/BCKT-AAC *Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2013*

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gởi: **Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Cổ đông**
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2012, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 15/03/2013 của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 6 đến trang 39. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là dựa trên các bằng chứng kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập của mình về tính trung thực và hợp lý của các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của mình.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Như trình bày tại mục (*) của Thuyết minh số 16, Công ty đã chuyển giao toàn bộ tài sản cố định hữu hình và vô hình thuộc Nhà máy Thủy điện Đăkpihao2 và Iapuch3 để thành lập Công ty Cổ phần Điện Cao su Gia Lai. Giá trị của tài sản chuyển giao là 238.659.582.360 đồng trong khi số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Điện Cao Su Gia Lai là 130 tỷ đồng, chênh lệch góp thừa là 108.659.582.360 đồng. Công ty chưa kê khai, hạch toán thuế GTGT đầu ra đối với phần chênh lệch nêu trên. Liên quan đến vấn đề này, Cục thuế Tỉnh Gia Lai đã có công văn đề nghị Tổng Cục thuế có hướng dẫn cụ thể. Theo đó, số thuế GTGT đầu ra có thể thay đổi tùy thuộc vào quyết định của cơ quan thuế.

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, tùy thuộc sự ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, các Báo cáo tài chính đã phản ảnh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chinh kết thúc ngày 31/12/2012, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY T.N.H.H KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN

Nguyễn Trọng Hiếu
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số 0391/KTV

Nguyễn Trung Dũng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số 1380/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 01-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và các qui định sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**360.696.227.146**	**102.763.569.060**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**5**	**67.431.387.864**	**9.304.184.981**
1.	Tiền	111		64.371.387.864	9.304.184.981
2.	Các khoản tương đương tiền	112		3.060.000.000	-
II.	**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**	**6**	**262.237.360.283**	**1.391.000.000**
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		265.310.370.805	1.391.000.000
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(3.073.010.522)	-
III	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**24.220.793.157**	**67.875.999.978**
1.	Phải thu của khách hàng	131		15.126.731.155	26.448.174.568
2.	Trả trước cho người bán	132		2.448.470.473	196.637.729
3.	Các khoản phải thu khác	135	7	6.662.804.765	41.248.400.917
4.	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(17.213.236)	(17.213.236)
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**		**3.596.369.221**	**10.011.254.896**
1.	Hàng tồn kho	141	8	3.596.369.221	10.011.254.896
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**3.210.316.621**	**14.181.129.205**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		67.676.403	66.957.195
2.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		2.000.000	4.711.835.216
3.	Tài sản ngắn hạn khác	158	9	3.140.640.218	9.402.336.794
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**773.819.762.726**	**825.460.084.055**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**119.485.996**	**835.855.747**
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		361.051.177	1.004.889.818
2.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(241.565.181)	(169.034.071)
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**104.620.426.041**	**335.315.032.882**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	10	83.830.264.631	326.760.556.236
	- Nguyên giá	*222*		*148.095.037.011*	*400.638.608.390*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(64.264.772.380)*	*(73.878.052.154)*
2.	Tài sản cố định vô hình	227	11	59.166.667	208.606.851
	- Nguyên giá	*228*		*255.000.000*	*395.907.975*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(195.833.333)*	*(187.301.124)*
3.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	20.730.994.743	8.345.869.795
III.	**Bất động sản đầu tư**	**240**		**-**	-
IV.	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	**250**	**13**	**642.786.632.572**	**457.938.539.926**
1.	Đầu tư vào công ty con	251	13	381.080.899.237	402.235.245.809
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	13	68.871.402.803	2.535.180.000
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	13	192.834.330.532	60.825.115.954
4.	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	13	-	(7.657.001.837)
V.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**26.293.218.117**	**31.370.655.500**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	14	26.293.218.117	31.370.655.500
2.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**1.134.515.989.872**	**928.223.653.115**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
A.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**428.325.255.720**	**610.894.914.409**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**102.917.116.535**	**175.881.281.893**
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	15	25.030.000.000	87.726.988.486
2.	Phải trả cho người bán	312		28.973.746.814	5.938.003.877
3.	Người mua trả tiền trước	313		219.303.513	1.637.701.048
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	13.234.399.757	4.191.950.871
5.	Phải trả người lao động	315		2.711.735.296	3.369.998.636
6.	Chi phí phải trả	316	17	93.709.167	489.866.818
7.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	26.335.364.407	67.785.232.969
8.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.318.857.581	4.741.539.188
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**325.408.139.185**	**435.013.632.516**
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	5.381.134.590
2.	Phải trả dài hạn khác	333	19	209.170.183.873	288.022.563.067
3.	Vay và nợ dài hạn	334	20	116.219.575.265	141.573.174.760
4.	Doanh thu chưa thực hiện	338		18.380.047	36.760.099
B.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**706.190.734.152**	**317.328.738.706**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**21**	**706.190.734.152**	**317.328.738.706**
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	21	522.871.860.000	261.435.930.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	21	103.154.918.653	50.867.732.653
3.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	21	-	381.706
4.	Quỹ đầu tư phát triển	417	21	3.111.673.684	3.076.516.818
5.	Quỹ dự phòng tài chính	418	21	660.162.446	1.185.567.779
6.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	21	76.392.119.369	762.609.750
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		**-**	**-**
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**1.134.515.989.872**	**928.223.653.115**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU		31/12/2012	31/12/2011
Nợ khó đòi đã xử lý	VND	216.319.686	229.960.985
Ngoại tệ các loại	USD	201,79	201,61

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Tân Xuân Hiến	Trần Thị Phương	Nguyễn Thị Mỹ Dung

Gia Lai, ngày 15 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Mẫu số B 02-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và các qui định sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	139.977.126.290	173.868.788.208
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03	22	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10	22	139.977.126.290	173.868.788.208
4. Giá vốn hàng bán	11	23	114.625.792.217	117.362.174.778
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CC dịch vụ	**20**		**25.351.334.073**	**56.506.613.430**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	141.291.299.447	101.840.185.446
7. Chi phí tài chính	22	25	26.958.622.575	52.304.714.765
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*24.117.073.785*	*35.041.786.256*
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.962.387.838	8.405.896.578
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**130.721.623.107**	**97.636.187.533**
11. Thu nhập khác	31	26	3.599.469.512	502.051.520
12. Chi phí khác	32	27	2.215.496.573	643.111.055
13. Lợi nhuận khác	**40**		**1.383.972.939**	**(141.059.535)**
				-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**	**28**	**132.105.596.046**	**97.495.127.998**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	13.869.038.280	1.625.620.960
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập Doanh nghiệp	**60**	**28**	**118.236.557.766**	**95.869.507.038**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	2.160,70	2.427

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Tân Xuân Hiến	**Trần Thị Phương**	**Nguyễn Thị Mỹ Dung**

Gia Lai, ngày 15 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Mẫu số B 03-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và các qui định sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	183.589.851.438	213.839.277.577
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(325.425.010.239)	(114.221.274.960)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(20.952.753.436)	(18.866.457.954)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(25.804.731.436)	(33.451.212.139)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(956.449.385)	(10.198.584.255)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	44.225.437.081	96.141.882.006
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(163.960.608.601)	(348.619.165.952)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**(309.284.264.578)**	**(215.375.535.677)**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ, TS DH khác	21	(17.897.608.032)	(14.946.171.747)
2. Tiền thu TLý, nhượng bán TSCĐ, TS DH khác	22	1.797.100.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các cc nợ đơn vị khác	23	(435.000.000.000)	(50.591.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại CC nợ đơn vị khác	24	397.272.250.728	135.181.500.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(46.681.834.173)	(103.467.967.218)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	128.539.439.903	31.759.066.145
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	139.895.131.963	45.743.578.614
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**167.924.480.389**	**43.679.005.794**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	313.723.116.000	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	105.620.476.411	206.111.274.139
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(193.704.127.433)	(183.188.198.449)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(26.152.096.200)	(44.226.910.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**199.487.368.778**	**(21.303.835.010)**
			-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**	**58.127.584.589**	**(193.000.364.893)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	9.304.184.981	202.304.168.168
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	(381.706)	381.706
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**67.431.387.864**	**9.304.184.981**

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Tân Xuân Hiến	Trần Thị Phương	Nguyễn Thị Mỹ Dung

Gia Lai, ngày 15 tháng 03 năm 2013

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Điện Gia Lai theo Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 01/6/2010 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5900181213 ngày 09/09/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 06/06/2012.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất truyền tải và phân phối điện;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Mua bán xuất nhập khẩu máy móc thiết bị điện, thiết bị cơ điện, thiết bị công nghiệp, động cơ điện, máy biến thế và các vật liệu điện khác; Máy móc thiết bị để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, khai khoáng, xây dựng, thiết bị máy văn phòng;
- Trồng cây cao su;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: Xây dựng công trình giao thông đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình công nghiệp, thủy điện, xây dựng đập đê, đắp đường và các công trình khác;
- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng công trình thủy lợi;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn khảo sát, thiết kế, thi công các công trình thủy điện vừa và nhỏ; Tư vấn lập dự án, khảo sát, thiết kế thi công đường dây và trạm biến áp (có cấp điện áp từ 110KV trở xuống); Giám sát thi công xây dựng công trình thủy điện vừa và nhỏ, đường dây và trạm biến áp (có cấp điện áp từ 110KV trở xuống);
- Sản xuất đường;
- Sản xuất bột giấy, giấy và bìa;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu;
- Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh: Sản xuất rượu;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp: Mua bán vật tư, thiết bị và phụ tùng chuyên ngành mía đường;
- Trồng cây mía;
- Chăn nuôi trâu, bò;
- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Mua bán phân bón các loại;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Điều hành tua du lịch;

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa phân vào đâu được sử dụng như hàng hóa trong kinh doanh;
- Vận tải hành khách đường bộ khác: Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách; hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch;
- Cung ứng lao động tạm thời: Cung ứng, cho thuê lao động, công nhân vận hành các máy móc, thiết bị kỹ thuật, máy móc, thiết bị điện;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động: Cung ứng, cho thuê lao động, công nhân vận hành các máy móc, thiết bị kỹ thuật, máy móc, thiết bị điện;
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội): Đầu tư tài chính;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác: Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng kèm người điều khiển;
- Làm dịch vụ cho các hộ nông dân trồng nguyên liệu phục vụ cho nhà máy chế biến đường.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính. Theo đó, đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm

phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch; đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối kỳ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

4.6 Ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao luỹ kế.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Mức khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	*Thời gian khấu hao (năm)*
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 48
Máy móc thiết bị	5 – 23
Phương tiện vận tải	5 – 23
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10

4.7 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá tài sản cố định là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ các khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

Tài sản cố định khác

Các tài sản cố định khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	*Thời gian khấu hao (năm)*
Phần mềm máy tính	8

4.8 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.11 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo hai trường hợp:
  - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành.
  - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ được khách hàng xác nhận.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.13 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế Giá trị gia tăng: Áp dụng mức thuế suất 10% cho hoạt động bán điện và xây lắp, các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%. Riêng đối với các dự án đầu tư sẽ áp dụng mức thuế suất và mức ưu đãi thuế theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư cho từng dự án và Công văn số 111684/BTC-TCT ngày 16/09/2005 hướng dẫn về việc chuyển thuế suất thuế TNDN. Cụ thể như sau:

✓ Nhà máy thủy điện Ia Đrăng 2:

+ Công trình Cải tạo và nâng cấp Nhà máy Thủy Điện Ia Đrăng 2: Áp dụng mức thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp là 15% trong thời gian miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (từ năm 2003 đến năm 2013), được miễn 4 năm từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2003 đến năm 2006) và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2007 đến năm 2013). Ưu đãi này được quy định trong Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 2169/GCN-UB ngày 24 tháng 11 năm 2003 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Gia Lai. Theo Công văn số 111684/BTC-TCT ngày 16/09/2005 hướng dẫn về việc chuyển thuế suất thuế TNDN của Bộ Tài chính mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện nay của dự án 10%.

+ Công trình Cải tạo và nâng cấp lưới Điện Thị trấn và Công ty Cao su Chư Prông: Áp dụng Thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%, được miễn 4 năm từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2003 đến năm 2006) và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2007 đến năm 2013). Ưu đãi này được quy định trong Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 1749/GCN-UB ngày 10 tháng 09 năm 2004 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Gia Lai.

+ Công trình Đường dây 35KV xuất tuyến 371/F7 Chư Prông – Trà Bá: Áp dụng thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%, được miễn 4 năm từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2006 đến năm 2009) và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo đối với thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2010 đến năm 2016). Ưu đãi này được quy định trong giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 400/GCN-UB ngày 16 tháng 03 năm 2005 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Gia Lai.

✓ Công trình xây dựng Nhà máy Thủy điện Ia Đrăng 3: Áp dụng mức thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp là 15% trong thời gian miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (từ năm 2005 đến năm 2015), được miễn 4 năm từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2005 đến năm 2008) và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2009 đến năm 2015). Ưu đãi này được quy định trong Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 2167/GCN-UB ngày 24 tháng 11 năm 2003 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Gia Lai. Theo Công văn số 111684/BTC-TCT ngày 16/09/2005 hướng dẫn về việc chuyển thuế suất thuế TNDN của Bộ Tài chính, mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện nay của dự án 10%.

✓ Công trình xây dựng Nhà máy thủy điện Ia Meur 3: Áp dụng mức thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp là 15% trong thời gian miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (từ năm 2005 đến năm 2015), được miễn 4 năm từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2005 đến năm 2008) và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo đối với thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2009 đến năm

+ 2015). Ưu đãi này được quy định trong Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 2168/GCN-UB ngày 24 tháng 11 năm 2003 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Gia Lai. Theo Công văn số 111684/BTC-TCT ngày 16/09/2005 hướng dẫn về việc chuyển thuế suất thuế TNDN của Bộ Tài chính, mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện nay của dự án 10%.

· Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.14 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng, phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012 VND	31/12/201 VNI
Tiền mặt tại quỹ	10.487.968	6.406.213
Tiền gởi ngân hàng	15.610.864.307	9.297.778.768
- Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT Gia Lai	*7.856.653.309*	*4.798.652.391*
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển CN Gia Lai	*1.835.938.066*	*378.908.438*
- Ngân hàng Ngoại thương Gia Lai	*473.923.664*	*3.740.524.408*
- Ngân hàng Phát triển Gia Lai	*12.704.148*	*14.047.487*
- Ngân hàng TMCP An Bình Gia Lai	*73.893.203*	*307.606.494*
- Ngân hàng Sacombank - CN Gia Lai	*119.318.757*	*45.597.847*
- Ngân hàng Kỹ thương Pleiku	*-*	*7.242.570*
- Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT Gia Lai (TG USD)	*4.202.996*	*4.199.133*
- Tiền gửi chứng khoán - CK BSC	*5.234.230.164*	*1.000.000*
Tiền đang chuyển	48.750.035.589	-
Tiền gửi ngân hàng & cho vay có kỳ hạn dưới 3 tháng	3.060.000.000	-
Cộng	**67.431.387.864**	**9.304.184.981**

6. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số lượng (cổ phiếu)	31/12/2012 VND	Số lượng (cổ phiếu)	31/12/2011 VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn		**264.930.121.533**		-
- Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh_SBT	10.700.930	162.133.211.011		-
- Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa_NHS	3.413.330	50.456.538.571		-
- Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa_BHS	3.246.080	52.340.371.951		-
Đầu tư ngắn hạn khác		**380.249.272**		**1.391.000.000**
- NH phát triển Việt Nam_CN GL_TG kỳ hạn 1 năm		-		1.000.000.000
- Cho Công ty CP XD & DV Cơ điện Gia Lai vay		380.249.272		391.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn		**(3.073.010.522)**		-
- Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa_NHS		(2.669.918.571)		-
- Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa_BHS		(403.091.951)		-
Cộng		**262.237.360.283**		**1.391.000.000**

7. Các khoản phải thu khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	4.048.859.650	40.142.704.800
- Công ty Cổ phần Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai	*-*	*24.767.410.800*
- Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai	*-*	*11.054.670.000*
- Công ty Cổ phần Ayun Thượng	*3.648.859.650*	*4.320.624.000*
- Công ty TNHH MTV XD Bê tông Ly tâm Gia Lai	*400.000.000*	*-*
Phải thu tiền lãi cho vay vốn	557.841.446	264.553.364
- Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai	*-*	*244.889.323*
- Công ty CP Xây lắp và DV cơ điện Gia Lai	*45.242.002*	*19.664.041*
- Công ty Cổ phần Ayun Thượng	*512.361.111*	*-*
- Công ty CP Thủy điện Kênh Bắc Auyn Hạ	*238.333*	*-*
Phải thu khác	2.056.103.669	841.142.753
- Lãi dự thu	*24.000.000*	*123.480.000*
- Hỗ trợ lãi suất NH Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai	*478.201.000*	*407.097.000*
- Công ty Cổ phần Ayun Thượng	*15.000.000*	*-*
- Công ty Cổ phần Xây lắp và DV cơ điện Gia Lai	*39.384.512*	*-*
- Công ty TNHH MTV XD BTLT Gia Lai	*12.000.000*	*-*
- Thuế TNCN	*71.081.563*	*155.943.160*
- Các đối tượng khác	*1.416.436.594*	*154.622.593*
Cộng	**6.662.804.765**	**41.248.400.917**

8. Hàng tồn kho

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.681.342.995	3.811.398.119
Công cụ, dụng cụ	27.306.756	26.683.657
Chi phí SXKD dở dang	887.719.470	6.173.173.120
Cộng	**3.596.369.221**	**10.011.254.896**

9. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	33.966.900
Tạm ứng	3.125.640.218	9.368.369.894
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	15.000.000	-
Cộng	**3.140.640.218**	**9.402.336.794**

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, Vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cây lâu năm VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá							
Số đầu năm	59.366.432.178	122.916.954.721	70.106.565.894	2.317.009.336	174.169.396	145.757.476.865	400.638.608.390
Mua trong năm	-	1.758.974.017	4.099.811.774	90.209.091	-	-	5.948.994.882
T lý, nhượng bán	181.500.000	422.505.097	2.147.610.530			745.802.494	3.497.418.121
Giảm do góp vốn	25.648.994.127	78.277.314.659	38.010.068.080	105.284.545	-	112.953.486.729	254.995.148.140
Số cuối năm	**33.535.938.051**	**45.976.108.982**	**34.048.699.058**	**2.301.933.882**	**174.169.396**	**32.058.187.642**	**148.095.037.011**
Khấu hao							
Số đầu năm	7.868.675.647	29.614.524.556	14.456.290.698	763.825.142	151.632.783	21.023.103.328	73.878.052.154
Khấu hao	1.576.729.780	2.242.263.195	2.990.838.361	256.505.300	13.521.972	1.477.055.028	8.556.913.636
T lý, nhượng bán	140.549.066	290.996.161	631.705.859			631.936.360	1.695.187.446
Giảm do góp vốn	1.206.545.121	5.316.738.337	3.043.597.687	32.700.793	-	6.875.424.026	16.475.005.964
Số cuối năm	**8.098.311.240**	**26.249.053.253**	**13.771.825.513**	**987.629.649**	**165.154.755**	**14.992.797.970**	**64.264.772.380**
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	51.497.756.531	93.302.430.165	55.650.275.196	1.553.184.194	22.536.613	124.734.373.537	326.760.556.236
Số cuối năm	**25.437.626.811**	**19.727.055.729**	**20.276.873.545**	**1.314.304.233**	**9.014.641**	**17.065.389.672**	**83.830.264.631**

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay đến 31/12/2012 là: 31.200.822.959 đồng.

Trong năm Công ty điều chuyển tài sản thuộc Nhà máy Thủy điện Đăkpihao2 và Iapuch3 sang góp vốn vào Công ty Cổ phần Điện Cao su Gia Lai: Nguyên giá: 254.995.148.140 đồng; giá trị hao mòn: 16.475.005.964 đồng; giá trị còn lại: 238.520.142.176 đồng.

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm Máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu năm	395.907.975	395.907.975
Tăng trong năm	-	-
Giảm do góp vốn	140.907.975	140.907.975
Số cuối năm	**255.000.000**	**255.000.000**
Khấu hao		
Số đầu năm	187.301.124	187.301.124
Khấu hao	10.000.000	10.000.000
Giảm do góp vốn	1.467.791	1.467.791
Số cuối năm	**195.833.333**	**195.833.333**
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	208.606.851	208.606.851
Số cuối năm	**59.166.667**	**59.166.667**

Trong năm Công ty điều chuyển tài sản của Nhà máy Thủy điện Đăk Pihao2 và Iapuch3 sang góp vốn vào Công ty Cổ phần Điện Cao su Gia Lai: Nguyên giá: 140.907.975 đồng; giá trị hao mòn:1.467.791 đồng; giá trị còn lại: 139.440.184 đồng.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Công trình xây dựng Nhà máy thủy điện Đăk Pihao1	15.902.038.487	2.901.692.307
Tường rào khu SX Diên Phú	928.960.074	928.960.074
Ngăn xuất tuyến 35KV-TBA 110KV Ayun Pa	-	481.020.141
Xây dựng hệ thống SCADA Ayun Hạ	-	198.197.273
Tiền mua đất khu CN Diên Phú	3.863.178.000	3.836.000.000
Sửa chữa, cải tạo nhà làm việc 28 Phạm Văn Đồng	36.818.182	-
Cộng	**20.730.994.743**	**8.345.869.795**

13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

		Số lượng (cổ phiếu)	31/12/2012 VND	Số lượng (cổ phiếu)	31/12/2011 VND
Đầu tư vào Công ty con	**(i)**		**381.080.899.237**		**402.235.245.809**
- Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên		14.209.784	139.593.752.268	13.313.254	131.063.232.019
- Công ty TNHH MTV XD BTLT Gia Lai			2.197.314.737		2.197.314.737
- Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai			-	11.257.914	153.107.924.745
- Công ty Cổ phần Ayun Thượng		7.597.837	75.655.921.590	6.172.320	61.723.200.000
- Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai		5.348.744	57.372.895.523	5.221.700	54.143.574.308
- Công ty CP Điện Cao su Gia Lai	(@)	10.600.640	106.018.003.899	-	-
- Công ty TNHH GKC			243.011.220		-
Đầu tư vào Công ty liên kết	**(i)**		**68.871.402.803**		**2.535.180.000**
- Công ty Cổ phần Thủy điện Kênh Bắc Ayun Hạ				253.518	2.535.180.000
- Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai		5.064.064	68.871.402.803		
Đầu tư dài hạn khác			**192.834.330.532**		**60.825.115.954**
- Cho Công ty CP Thủy điện Gia Lai vay			41.376.500.000		45.138.000.000
- Cho Công ty CP Auyn Thượng vay			42.500.000.000		-
- Cho Công ty CP Điện Cao su Gia Lai vay	(@)		94.757.346.776		-
- Công ty CP Thủy điện Trường Phú	(ii)	900.000	10.530.000.000	900.000	10.530.000.000
- Công ty CP Trường Phú (LD h.động tỷ lệ 50:50)	(ii)		3.670.483.756		3.670.483.756
- Công ty CP Thủy điện Nước Trong			-		1.000.500.000
- Công ty CP ĐT Điện Tây Nguyên			-		486.132.198
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn			**-**		**(7.657.001.837)**
- Công ty CP Đầu tư Điện Tây Nguyên			-		(7.249.969.819)
- Công ty CP Thủy điện Kênh Bắc Ayun Hạ			-		(407.032.018)
Cộng			**642.786.632.572**		**457.938.539.926**

(i) Báo cáo tài chính năm 2012 đã kiểm toán của các Công ty con và Công ty liên kết đều có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Đối với các cổ phiếu không bị giảm giá hoặc không có dữ liệu tham khảo về giá giao dịch, Công ty ghi nhận theo giá gốc đầu tư, không trích lập dự phòng.

(ii) Cho đến thời điểm này, Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú cũng như các quyết định chia cổ tức chính thức của năm 2012 cho khoản vốn đã đầu tư tại Công ty này. Do cổ phiếu của các Công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm cuối năm. Do đó, giá trị của cổ phiếu đã đầu tư được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

(@) Trong năm, Công ty đã điều chuyển tài sản cố định hữu hình và vô hình thuộc Nhà máy Thủy điện Đăk Pihao2 và Iapuch3 để thành lập Công ty Cổ phần Điện Cao su Gia Lai. Đây là các tài sản hình thành từ hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty, Công ty TNHH MTV Cao su Chưprông và Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê. Trong đó: Công ty là đơn vị chịu trách nhiệm tập hợp chi phí của liên doanh. Giá trị còn lại của tài sản đã điều chuyển là 238.659.582.360 đồng (Trong đó: TSCĐ hữu hình là 238.520.142.176 đồng và TSCĐ vô hình là 139.440.184 đồng). Giá trị vốn góp của các bên liên doanh (bằng TSCĐ nêu trên) vào Công ty Cổ phần Điện Cao su Gia Lai là 130.000.000.000 đồng. Phần còn lại (108.659.582.359 đồng) được các bên thống nhất cấn trừ công nợ và chuyển thành khoản đầu tư dài hạn (cho Công ty Cổ phần Điện Cao su Gia Lai vay).

14. Chi phí trả trước dài hạn

Tổng chi phí trả trước dài hạn tại ngày 31/12/2012 là 26.293.218.117 đồng. Trong đó, giá trị còn lại của lợi thế kinh doanh (được hình thành từ việc định giá doanh nghiệp nhà nước theo phương pháp tài sản để cổ phần hoá) là 16.352.836.420 đồng (giá trị ban đầu tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần là 21.329.786.636 đồng). Giá trị lợi thế kinh doanh này được Công ty phân bổ vào chi phí trong vòng 10 năm theo phê duyệt của Hội đồng Quản trị tại tờ trình số 05/2011/TT-TCKT ngày 30/3/2011. Theo đó, số hạch toán vào chi phí trong năm là 2.132.978.664 đồng.

15. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay ngắn hạn	-	52.919.675.026
- Công ty cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai	-	*14.500.000.000*
- Công ty cổ phần Thủy điện Gia Lai	-	*5.000.000.000*
- Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển - CN Gia Lai	-	*4.914.765.630*
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Gia Lai	-	*16.172.725.841*
- Ngân hàng TMCP An Bình - CN Gia Lai	-	*12.332.183.555*
Nợ dài hạn đến hạn trả	25.030.000.000	34.807.313.460
- Ngân hàng NN và PTNT - Chi nhánh Gia Lai	18.580.000.000	17.509.977.492
+ Dự án thủy điện Ia Đrăng 3	*2.090.000.000*	*1.960.000.000*
+ Dự án thủy điện Ia Meur 3	*1.890.000.000*	*1.650.000.000*
+ Dự án thủy điện Ia Puch 3	*6.600.000.000*	*5.900.000.000*
+ Mía Đường	*8.000.000.000*	*7.999.977.492*
- Ngân hàng ĐT và PT - Chi nhánh Gia Lai	6.450.000.000	7.573.176.340
+ Dự án thủy điện ĐăkPiHao 2	*6.450.000.000*	*5.800.000.000*
+ Mía Đường	-	*1.773.176.340*
- Ngân hàng Phát triển - Chi nhánh Gia Lai	-	8.271.685.628
+ Dự án thủy điện H'Chan	-	*8.271.685.628*
- Ngân hàng An Bình - Chi nhánh Gia Lai	-	1.187.970.000
+ Dự án cải tạo lưới điện CPR - 2009	-	*1.187.970.000*
- Ngân hàng Kỹ thương - Chi nhánh Gia Lai	-	264.504.000
+ Mua xe ô tô	-	*264.504.000*
Cộng	**25.030.000.000**	**87.726.988.486**

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra (*)	1.828.797.490	2.861.554.561
Thuế thu nhập cá nhân	458.460.170	220.269.105
Thuế thu nhập Doanh nghiệp	10.160.074.291	-
Thuế tài nguyên	55.074.760	502.999.976
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	731.993.046	607.127.229
Cộng	**13.234.399.757**	**4.191.950.871**

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

(*) Như trình bày tại điểm @ của Thuyết minh số 13, trong năm 2012, Công ty đã chuyển giao toàn bộ tài sản cố định hữu hình và vô hình thuộc Nhà máy Thủy điện Đăk Pihao 2 và Ia Puch 3 để thành lập Công ty Cổ phần Điện Cao su Gia Lai. Giá trị còn lại của tài sản chuyển giao là 238.659.582.360 đồng trong khi số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Điện Cao Su Gia Lai là 130 tỷ đồng. Công ty chưa kê khai, hạch toán thuế GTGT đối với phần chênh lệch thừa (108.659.582.360 đồng) giữa giá trị tài sản cố định chuyển giao so với giá trị vốn góp. Ngày 06/3/2013, Công ty đã có Công văn số 97/2013/CV-GEC hỏi Cục thuế Tỉnh Gia Lai về việc có phát hành hóa đơn, kê khai thuế GTGT đối với việc chuyển giao tài sản nêu trên hay không. Ngày 25/3/2013, Cục thuế Tỉnh Gia Lai có Công văn trả lời số 724/CT-TTHT "Về việc trả lời chính sách thuế"; Theo đó, Cục Thuế tỉnh Gia Lai chưa có cơ sở trả lời chính xác cho Công ty và đã có công văn đề nghị Tổng Cục thuế hướng dẫn cụ thể; Trong khi chờ đợi Tổng Cục thuế trả lời, tạm thời Công ty thực hiện theo điểm a, khoản 6, Điều 5, Thông tư số 06/2012/TT-BTC ngày 11/01/2012 của Bộ Tài chính: không phải kê khai, nộp thuế trong trường hợp góp vốn bằng tài sản để thành lập doanh nghiệp.

17. Chi phí phải trả

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Trích trước lãi vay	93.709.167	489.866.818
Cộng	**93.709.167**	**489.866.818**

18. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tài sản thừa chờ xử lý	22.640.396	155.093.800
Kinh phí công đoàn, BHTN	37.303.210	39.042.956
Các khoản phải trả, phải nộp khác	26.275.420.801	67.591.096.213
- Lợi nhuận và các khoản khác phải trả cho liên doanh	5.771.422.545	28.127.568.219
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên	*5.771.422.545*	*17.085.756.243*
+ Công ty TNHH 1 TV Cao Su Chư Prông	-	*5.553.073.754*
+ Công ty TNHH 1 TV Cao su Chư Sê	-	*5.488.738.222*
- Lãi vay còn phải trả	-	1.291.500.000
- Các khoản khác	20.503.998.256	38.172.027.994
+ Cổ tức phải trả	*208.694.200*	*26.360.790.400*
+ Phải trả khác	*20.295.304.056*	*11.811.237.594*
Cộng	**26.335.364.407**	**67.785.232.969**

19. Phải trả dài hạn khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên	209.170.183.873	211.816.280.876
- Huy động vốn Ia Meur 3	*11.580.746.151*	*12.310.720.305*
- Huy động vốn H'Chan	*28.511.691.319*	*30.428.053.541*
- Huy động vốn Đăk Pihao 2	*58.636.542.952*	*58.636.542.952*
- Huy động vốn Ia Puch 3	*42.881.971.112*	*42.881.731.739*
- Huy động vốn H'Mun	*67.559.232.339*	*67.559.232.339*
Công ty TNHH 1 TV Cao Su Chư Prông	-	38.333.004.532
- Huy động vốn Đăk Pihao 2	-	*21.832.745.996*
- Huy động vốn Ia Puch 3	-	*16.500.258.536*
Công ty TNHH 1 TV Cao su Chư Sê	-	37.873.277.659
- Huy động vốn Đăk Pihao 2	-	*21.292.264.082*
- Huy động vốn Ia Puch 3	-	*16.581.013.577*
Cộng	**209.170.183.873**	**288.022.563.067**

20. Vay và Nợ dài hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay dài hạn	116.219.575.265	141.573.174.760
- Ngân hàng NN và PTNT - Chi nhánh Gia Lai	82.219.575.265	96.766.534.760
+ Dự án thủy điện Ia Đrăng 3 (1)	*7.428.311.096*	*9.518.311.096*
+ Dự án thủy điện Ia Meur 3 (2)	*6.686.268.184*	*8.576.268.184*
+ Dự án thủy điện Ia Puch 3 (3)	*49.672.748.555*	*56.272.748.555*
+ Mía Đường (4)	*18.432.247.430*	*22.399.206.925*
- Ngân hàng ĐT và PT - Chi nhánh Gia Lai	34.000.000.000	40.450.000.000
+ Dự án thủy điện Đăk Pihao 2 (5)	*34.000.000.000*	*40.450.000.000*
- Ngân hàng An Bình - Chi nhánh Gia Lai	-	3.959.900.000
+ Dự án cải tạo lưới điện CPR - 2009	-	*3.959.900.000*
- Ngân hàng Kỹ thương - Chi nhánh Gia Lai	-	396.740.000
+ Mua xe ô tô	-	*396.740.000*
Cộng	**116.219.575.265**	**141.573.174.760**

(1) Vay Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Tỉnh Gia Lai theo hợp đồng tín dụng số 75/HĐTD ngày 17/10/2003 để đầu tư cho Dự án Thủy điện IaĐrăng 3, Huyện Chưprông, Tỉnh Gia Lai. Theo đó, thời hạn vay của hợp đồng là 156 tháng (13 năm) kể từ ngày 17 tháng 10 năm 2003, hạn cuối là ngày 17 tháng 10 năm 2016. Lãi suất tiền vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 0,77%/tháng. Lãi suất tiền vay định kỳ 3 tháng điều chỉnh 1 lần: được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT phát hành cộng với phí 2%/ năm (0,17%/tháng) – Lãi suất cụ thể cho từng lần rút vốn được thể hiện tại Phụ lục hợp đồng hoặc Giấy nhận nợ kèm theo Hợp đồng này. Lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay theo từng lần điều chỉnh tính trên dư nợ thực tế quá hạn, lãi suất nợ quá hạn là 1,155%/tháng. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng chính Công trình thuỷ điện Iađrăng 3.

(2) Vay Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Tỉnh Gia Lai theo hợp đồng tín dụng số 77/HĐTD ngày 27/10/2003 để đầu tư cho dự án Công trình Thủy điện IaMeur3, Huyện Chưprông, Tỉnh Gia Lai. Theo đó thời hạn vay của hợp đồng là 156 tháng (13 năm) kể từ ngày 27 tháng 10 năm 2003, hạn cuối là ngày 27 tháng 10 năm 2016. Lãi suất tiền vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 0,8%/tháng. Lãi suất tiền vay định kỳ 3 tháng điều chỉnh 1 lần: được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT phát hành cộng với phí 2,4%/ năm (0,2%/tháng – Lãi suất cụ thể cho từng lần rút vốn được thể hiện tại Phụ lục hợp đồng hoặc Giấy nhận nợ kèm theo Hợp đồng này). Lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay theo từng lần điều chỉnh tính trên dư nợ thực tế quá hạn, lãi suất nợ quá hạn là 1,2%/tháng. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng chính Công trình Thủy điện IaMeur3, phần còn thiếu áp dụng biện pháp cho vay không bảo đảm bằng tài sản.

(3) Vay Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Tỉnh Gia Lai theo hợp đồng tín dụng dài hạn số 45/HĐTD ngày 29/08/2006 để đầu tư cho dự án xây dựng Công trình Thủy điện Ia Puch 3. Theo đó thời hạn vay của hợp đồng là 144 tháng (12 năm) kể từ ngày rút khoản vốn vay đầu tiên. Thời gian ân hạn là 24 tháng (2 năm). Lãi suất cho vay không cố định, định kỳ 6 tháng điều chỉnh 1 lần: được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau do Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Tỉnh Gia Lai công bố cộng với phí ngân hàng là 0,25%/tháng (3%/năm). Lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay đang được áp dụng tính trên số dư nợ thực tế quá hạn. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng chính Công trình thủy điện Ia Puch 3. Công ty đang làm thủ tục điều chỉnh tài sản thế chấp với ngân hàng.

(4) Theo Biên bản thỏa thuận về việc tiếp nhận nợ vay Ngân hàng ngày 01/10/2007 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Tỉnh Gia Lai và Công ty Điện Gia Lai. Theo đó Công ty Điện Gia Lai tiếp nhận nợ vay và kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ theo các Hợp đồng bảo lãnh, Hợp đồng tín dụng, văn bản thỏa thuận của Công ty Mía đường Gia Lai đã ký kết với Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT.

(5) Vay Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Tỉnh Gia Lai theo hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2006/HĐ ngày 06/03/2006 để đầu tư cho Dự án xây dựng Thủy điện Đăk Pihao 2. Theo đó thời hạn vay của hợp đồng là 132 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên cho đến khi bên vay trả hết nợ gốc, nợ lãi bao gồm: Thời gian ân hạn nợ gốc là 24 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên; và thời gian trả nợ gốc là 108 tháng. Lãi suất cho vay không cố định, định kỳ 6 tháng điều chỉnh 1 lần: được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau do Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Gia Lai công bố cộng 3%/năm, nhưng không thấp hơn 10,2%/năm tương ứng với số vốn ủy thác tham gia. Lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn kể từ ngày chuyển sang quá hạn cho đến khi bên vay trả hết nợ quá hạn. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng chính Công trình Thủy điện Đăk Pihao 2. Công ty đang làm thủ tục điều chỉnh tài sản thế chấp với ngân hàng.

21. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	LN sau thuế chưa phân phối VND
SD 01/01/2011	261.435.930.000	50.867.732.653	(3.268.638)	1.972.591.788	-	7.528.379.522
Tăng trong năm	-	-	3.650.344	2.289.492.809	1.185.567.779	95.869.507.038
Giảm trong năm	-	-	-	1.185.567.779	-	102.635.276.810
SD 31/12/2011	**261.435.930.000**	**50.867.732.653**	**381.706**	**3.076.516.818**	**1.185.567.779**	**762.609.750**
SD 01/01/2012	**261.435.930.000**	**50.867.732.653**	**381.706**	**3.076.516.818**	**1.185.567.779**	**762.609.750**
Tăng trong năm	261.435.930.000	52.287.186.000	364.836	193.001.786	4.429.388.302	118.408.833.279
Giảm trong năm	-	-	746.542	157.844.920	4.954.793.635	42.779.323.660
SD 31/12/2012	**522.871.860.000**	**103.154.918.653**	**-**	**3.111.673.684**	**660.162.446**	**76.392.119.369**

Trong năm, căn cứ theo tờ trình số 695/2012/TT-BĐH ngày 31/12/2012 đã được HĐQT phê duyệt. Công ty đã tạm sử dụng quỹ dự phòng tài chính (4.954.793.635 đồng) để bù đắp khoản phải trả trước cổ phần hóa cho Nhà nước theo Biên bản xác định khoản phải nộp bổ sung đến thời điểm chính thức chuyển cổ phần.Nội dung này sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.

b. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	762.609.750	7.528.379.522
Lợi nhuận sau thuế TNDN năm nay	118.236.557.766	95.869.507.038
Điều chỉnh tăng LN năm trước	172.275.513	-
Phân phối lợi nhuận trong năm	**42.779.323.660**	**102.635.276.810**
Thuế Thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm thuộc liên doanh	119.299.510	4.772.658.258
Thuế TNDN được miễn giảm bổ sung quỹ đầu tư phát triển	193.001.786	2.289.492.809
Phân chia lợi nhuận cho các bên liên doanh	29.336.490.440	32.418.317.273
- Phân phối lợi nhuận năm trước	-	5.228.718.600
+ Chi trả cổ tức	-	*5.228.718.600*
+ Quỹ đầu tư phát triển		*(1.185.567.779)*
+ Quỹ dự phòng tài chính		*1.185.567.779*
- Phân phối lợi nhuận năm nay	13.130.531.924	57.926.089.870
+ Quỹ dự phòng tài chính	*4.429.388.302*	-
+ Quỹ khen thưởng phúc lợi, ban quản lý điều hành	*6.201.143.622*	*5.638.903.870*
+ Trích nộp nhà nước-bổ sung QT CPH	*2.500.000.000*	-
+ Tạm chi trả cổ tức trong năm	-	*52.287.186.000*
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	**76.392.119.369**	**762.609.750**

Việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2011 thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2012/BBH-ĐHĐCĐ ngày 09/04/2012. Công ty cũng tạm phân phối lợi nhuận năm 2012 theo Nghị quyết số 02/2013/NQ-HĐQT ngày 15/3/2013 của Hội đồng quản trị.

c. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2012 VND	Tỷ lệ (%)	31/12/2011 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Tín Việt	24,03	125.653.710.000	40,03	104.653.710.000
Ngân hàng TM CP Sài gòn Thương Tín (STB)	9,71	50.750.000.000	11,00	28.750.000.000
Công ty CP Chứng khoán Kim Long (KLS)	2,87	15.000.000.000	5,74	15.000.000.000
Công ty CP Đường Ninh Hòa	13,39	70.000.000.000	-	-
Công ty CP giao dịch hàng hóa Sơn Tín	*13,39*	*70.000.000.000*	-	-
Công ty CP xuất nhập khẩu Bến Tre	*13,39*	*70.000.000.000*	-	-
Công ty CP Kho vận Thiên Sơn	*9,84*	*51.435.930.000*	-	-
Cổ đông khác	*13,39*	*70.032.220.000*	*43,24*	*113.032.220.000*
Cộng	**100**	**522.871.860.000**	**100**	**261.435.930.000**

d. Cổ phiếu

	31/12/2012 Cổ phiếu	31/12/2011 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	52.287.186	26.143.593
- Cổ phiếu thường	*52.287.186*	*26.143.593*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	52.287.186	26.143.593
- Cổ phiếu thường	*52.287.186*	*26.143.593*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND		

22. Doanh thu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng doanh thu	139.977.126.290	173.868.788.208
Doanh thu bán điện	*91.789.266.336*	*78.551.437.446*
Doanh thu hoạt động xây lắp	*36.908.246.698*	*95.294.838.762*
Doanh thu cung cấp dịch vụ	*11.279.613.256*	*22.512.000*
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**139.977.126.290**	**173.868.788.208**

23. Giá vốn hàng bán

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn bán điện	68.215.585.785	40.035.279.823
Giá vốn hoạt động xây lắp	38.380.452.409	77.326.894.955
Giá vốn hoạt động cung cấp dịch vụ	8.029.754.023	-
Cộng	**114.625.792.217**	**117.362.174.778**

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	34.031.155.420	16.334.798.066
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	361.200	
Lãi từ khoản đầu tư chứng khoán	37.446.219.763	17.429.077.609
Cổ tức, lợi nhuận được chia	69.813.563.064	68.076.309.771
Cộng	**141.291.299.447**	**101.840.185.446**

26. Chi phí tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí lãi vay	24.117.073.785	35.041.786.256
Dự phòng đầu tư chứng khoán	(4.583.991.315)	7.563.060.323
Lỗ Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	33.617.734	1.160.462.305
Lỗ trong hoạt động đầu tư (Công ty CP Phát triển Năng lượng)		3.529.435.429
Chi phí hoạt động tài chính khác	7.391.922.371	5.009.970.452
Cộng	**26.958.622.575**	**52.304.714.765**

25. Thu nhập khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu thanh lý TSCĐ	2.862.818.182	
Cho thuê văn phòng, cột điện, xe…	515.026.802	185.454.550
Thu phí chuyển nhượng cổ phần	18.003.224	33.852.876
Các khoản khác	203.621.304	282.744.094
Cộng	**3.599.469.512**	**502.051.520**

27. Chi phí khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá trị còn lại tài sản thanh lý	1.802.230.675	
Chi phí thanh lý TSCĐ	78.532.727	
Xử lý các dự án không còn thực hiện		438.150.011
Chi phí cho thuê văn phòng, cột điện, xe…	189.341.624	76.090.725
Chi phí khác	145.391.547	128.870.319
Cộng	**2.215.496.573**	**643.111.055**

28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong kỳ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**132.105.596.046**	**97.495.127.998**
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm LN chịu thuế TNDN	**(67.480.250.640)**	**(59.563.593.888)**
- Các khoản điều chỉnh tăng LN chịu thuế TNDN	2.333.312.424	8.512.715.883
+ Chi thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	*736.914.517*	*899.000.000*
+ Lợi thế kinh doanh	*-*	*2.132.978.664*
+ Chi phí cho hoạt động đầu tư vốn	*1.396.274.831*	*4.695.586.294*
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	*200.123.076*	*785.150.925*
- Các khoản điều chỉnh giảm LN chịu thuế TNDN	69.813.563.064	68.076.309.771
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	*69.813.563.064*	*68.076.309.771*
Thu nhập chịu thuế	**64.625.345.406**	**37.931.534.110**
Thuế thu nhập doanh nghiệp	**15.219.432.465**	**8.687.772.026**
- Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	1.350.394.185	7.062.151.066
+ Thuế TNDN được miễn, giảm thuộc liên doanh	*119.299.510*	*4.772.658.257*
+ Thuế TNDN được miễn, giảm thuộc Công ty	*193.001.786*	*1.757.174.689*
+ Thuế TNDN được giảm 30% (*)	*1.038.092.889*	*532.318.120*
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	13.869.038.280	1.625.620.960
Lợi nhuận sau thuế TNDN	**118.236.557.766**	**95.869.507.038**

(*) Là Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30% đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Thông tư số 140/2012/TT-BTC (áp dụng cho năm 2012) và Thông tư số 154/2011/TT-BTC (áp dụng cho năm 2012)

29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	118.236.557.766	95.869.507.038
ĐC tăng hoặc giảm LN xác định LN hoặc lỗ p.bổ cho các Cổ đông SH Cổ phiếu	(29.336.490.440)	(32.418.317.273)
- Các khoản điều chỉnh tăng		-
- Các khoản điều chỉnh giảm (lãi chia cho liên doanh)	29.336.490.440	32.418.317.273
LN hoặc lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu Cổ phiếu phổ thông	88.900.067.326	63.451.189.765
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	41.144.015	26.143.593
Lãi cơ bản trên Cổ phiếu	**2.160,70**	**2.427,03**

30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.638.500.616	46.992.264.586
Chi phí nhân công	24.208.643.049	31.344.900.104
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.566.913.636	17.659.136.670
Chi phí dịch vụ mua ngoài	933.911.233	1.109.198.374
Chi phí khác bằng tiền	85.863.910.240	81.610.397.442
Cộng	**144.211.878.774**	**178.715.897.176**

31. Công cụ tài chính

a) Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b) Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

***Quản lý rủi ro thị trường*:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước và nhập khẩu nguyên vật liệu để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này Công ty ký kết các hợp đồng nguyên tắc, dài hạn với các nhà cung cấp chính bên cạnh việc đa dạng hoá các nguồn cung cấp của Công ty.

Ngoài ra, do có thực hiện các nghiệp vụ đầu tư cổ phiếu, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về giá cổ phiếu. Để quản lý rủi ro này, Công ty thường chỉ mua cổ phiếu của các ngành nghề thuộc thế mạnh mà Công ty am hiểu (ngành sản xuất đường, thủy điện) sau khi tìm hiểu kỹ lưỡng về các doanh nghiệp này.

Quản lý rủi ro tín dụng

Phải thu khách hàng

Khách hàng bán điện của Công ty là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung và bán lẻ điện tại địa phương với tỷ trọng nhỏ. Với đặc thù kinh doanh mua bán điện tại Việt Nam, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty thì không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Khách hàng hoạt động xây lắp chủ yếu là Ban quản lý các Công trình thủy điện và các Công ty con, công ty liên kết và các Ban quản lý điện khu vực với nguồn vốn thanh toán tương đối ổn định. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty có ít rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Đầu tư tài chính

Các khoản tiền gửi ngân hàng được giao dịch tại các ngân hàng lớn và có bảo hiểm tiền gửi. Các khoản cho vay của Công ty chủ yếu cho các Công ty con và các Công ty trong cùng tập đoàn. Do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với các khoản tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhàn rỗi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,…

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	25.030.000.000	116.219.575.265	141.249.575.265
Phải trả người bán	28.973.746.814	-	28.973.746.814
Chi phí phải trả	93.709.167	-	93.709.167
Phải trả khác	26.275.420.801	209.170.183.873	235.445.604.674
Cộng	**80.372.876.782**	**325.389.759.138**	**405.762.635.920**

31/12/2011	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	87.726.988.486	141.573.174.760	229.300.163.246
Phải trả người bán	5.938.003.877	5.381.134.590	11.319.138.467
Chi phí phải trả	489.866.818	-	489.866.818
Phải trả khác	65.769.498.233	288.022.563.067	353.792.061.300
Cộng	**159.924.357.414**	**434.976.872.417**	**594.901.229.831**

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hiện không có rủi ro về tính thanh khoản. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền để đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	67.431.387.864	-	67.431.387.864
Phải thu khách hàng	15.109.517.919	119.485.996	15.229.003.915
Phải thu khác	6.662.804.765	-	6.662.804.765
Đầu tư tài chính	262.237.360.283	192.834.330.532	455.071.690.815
Tài sản tài chính khác	15.000.000	-	15.000.000
Cộng	**351.456.070.831**	**192.953.816.528**	**544.409.887.359**

31/12/2011	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.304.184.981	-	9.304.184.981
Phải thu khách hàng	26.430.961.332	835.855.747	27.266.817.079
Phải thu khác	41.248.400.917	-	41.248.400.917
Đầu tư tài chính	1.391.000.000	60.825.115.954	62.216.115.954
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Cộng	**78.374.547.230**	**61.660.971.701**	**140.035.518.931**

32. Báo cáo bộ phận

	Bán điện		Hoạt động xây lắp		Cung cấp dịch vụ		Cộng	
	Năm 2012	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu	91.789.266.336	78.551.437.446	36.908.246.698	95.294.838.762	11.279.613.256	22.512.000	139.977.126.290	173.868.788.208
Các khoản giảm trừ	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí	74.092.624.599	43.834.032.317	40.743.595.803	81.934.039.039	8.751.959.653	-	123.588.180.055	125.768.071.356
Lợi nhuận của bộ phận kinh doanh	17.696.641.737	34.717.405.129	(3.835.349.105)	13.360.799.723	2.527.653.603	22.512.000	16.388.946.235	48.100.716.852
Doanh thu không phân bổ							144.890.768.959	102.342.236.966
Chi phí không phân bổ							29.174.119.148	52.947.825.820
							132.105.596.046	**97.495.127.998**

	Bán điện		Hoạt động xây lắp		Cung cấp dịch vụ		Cộng	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
TSCĐ hữu hình, vô hình	78.872.627.928	321.732.563.276	5.016.803.370	5.236.599.811	-	-	83.889.431.298	326.969.163.087
- Nguyên giá	*135.921.051.634*	*389.331.353.563*	*12.428.985.377*	*11.703.162.802*	-	-	*148.350.037.011*	*401.034.516.365*
- Hao mòn	*(57.048.423.706)*	*(67.598.790.287)*	*(7.412.182.007)*	*(6.466.562.991)*	-	-	*(64.460.605.713)*	*(74.065.353.278)*
Nợ phải thu	9.238.082.125	9.981.182.527	7.487.087.478	17.482.272.281	952.304.785		17.677.474.388	27.463.454.808
Nợ phải thu không phân bổ							6.662.804.765	41.248.400.917
Tổng cộng	88.110.710.053	331.713.745.803	12.503.890.848	22.718.872.092	952.304.785	-	108.229.710.451	395.681.018.812
Nợ phải trả	375.908.777.289	464.350.624.538	7.095.297.339	21.904.070.800	44.400.000		383.048.474.628	486.254.695.338
Nợ phải trả không phân bổ							45.276.781.092	124.640.219.071
Tổng cộng	375.908.777.289	464.350.624.538	7.095.297.339	21.904.070.800	44.400.000	-	428.325.255.720	610.894.914.409

33. Các bên liên quan

a. Thông tin về các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên	Công ty con
Công ty TNHH MTV XD BTLT Gia Lai	Công ty con
Công ty Cổ phần Ayun Thượng	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện Cao su Gia Lai	Công ty con
Công ty TNHH GKC	Công ty con
Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai	Công ty liên kết

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2012 VND
Công ty TNHH MTV XD BTLT Gia Lai	- Cổ tức nhận được	400.000.000
	- Mua trụ	2.152.630.226
Công ty CP Đầu tư Điện Tây Nguyên	- Cho thuê d.vụ quản lý vận hành	790.106.585
	- Cổ tức nhận được	17.051.740.800
	- Mua điện thương phẩm	2.657.711.017
	- Chia lãi liên doanh, thuế TNDN miễn giảm	29.881.227.542
Công ty Cổ phần Ayun Thượng	- C.cấp d.vụ tư vấn quản lý	557.782.532
	- Cung cấp Tbị TBA nâng AYT	2.689.529.565
	- Cung cấp khối lượng Xây lắp	1.793.515.956
	- Các công trình XDCB khác	(338.986.185)
	- Hoàn thiện tổng thể AYT	3.253.488.452
	- Cung cấp d.vụ quản lý vận hành	1.922.758.372
	- Thu lãi cho vay	2.694.027.778
	- Cổ tức nhận được	3.019.719.150
Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai	- SC, nâng cấp đường H'Mun,H'Chan	2.830.476.363
	- Bảo dưỡng, SC thiết bị tổ máy H'Chan	738.064.983
	- Bán thanh lý tài sản	1.488.818.182
	- Thu lãi cho vay	6.674.766.883
	- Cổ tức nhận được	15.785.232.000
	- Lãi đi vay	563.055.557
Công ty Cổ phần Điện Cao su Gia Lai	- Cho thuê d.vụ quản lý vận hành ĐPH2	2.224.376.602
	- Cho thuê d.vụ quản lý vận hành IP3	1.119.138.490
	- Cung cấp DVKT NM ĐPH2 và IP3	1.074.671.295
	- Cung cấp DV sửa chữa NM ĐPH2 và IP3	1.415.052.358
	- Thu lãi cho vay	16.332.481.576
	- Cổ tức nhận được	3.710.224.000
	- Mua điện thương phẩm	47.763.168.660
Công ty CP Mía đường-Nhiệt điện Gia Lai	- Cải tạo hạ tầng SEC	2.577.773.240
	- Bồn chứa mật rĩ	1.814.725.704
	- Hệ thống chiếu sáng SEC	802.062.666
	- Lắp đặt hệ thống trạm bơm SEC	1.043.322.688
	- Tư vấn chi phí tránh được NM SEC	1.575.000.000
	- Các công trình XDCB khác	480.524.571
	- Lãi cho vay	707.250.000
	- Cổ tức nhận được	28.144.785.000

c. Số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan tại ngày 31/12/2012

Công ty liên quan/ Nội dung	Phải thu VND	Phải trả VND
Công ty TNHH MTV XD BTLT Gia Lai	412.000.000	-
- Thuê VP	*12.000.000*	
- Phải thu cổ tức 2012	*400.000.000*	
Công ty CP Mía đường - N.điện G.Lai	451.055.578	123.703.513
- Cải tạo hạ tầng, đường nội bộ	*451.055.578*	
- Người mua trả tiền trước		*123.703.513*
Công ty CP Đầu tư Điện Tây Nguyên	-	215.236.845.742
- Tiền mua điện IaĐrăng1		*295.239.324*
- Chi trả LN,KH 2011, 2012		*5.771.422.545*
- Phải trả đầu tư góp vốn		*209.170.183.873*
Công ty CP Ayun Thượng	321.816.706.346	51.024.168.956
- Phải thu khách hàng	*635.551.847*	
- Phải thu tiền thuê VP	*15.000.000*	
- Phải thu lãi vay	*512.361.111*	
- Phải thu cổ tức 2011, 2012	*3.648.859.650*	
- Nợ gốc vay	*42.500.000.000*	
- Phải trả người bán		*259.523.264*
Công ty CP Thủy điện Gia Lai	232.009.813.645	50.592.421.673
- Phải thu công nợ XDCB	*1.109.682.593*	
- Lãi vay chuyển vượt		*150.376.411*
- Mua vật tư	*8.937.500*	*21.847.608*
- Nợ gốc vay	*41.376.500.000*	
Công ty CP Điện Cao su Gia Lai	94.757.346.776	25.210.098.827
- Tiền điện		*25.210.098.827*
- Nợ gốc vay	*94.757.346.776*	

34. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

35. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi AAC.

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Tân Xuân Hiến	Trần Thị Phương	Nguyễn Thị Mỹ Dung

Gia Lai, ngày 15 tháng 03 năm 2013